

Bản án số: 895/2023/HC-PT

Ngày: 19/12/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phan Diệu Nhân
- Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 412/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14128/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH V (XNK).

Địa chỉ: Số A, đường Q, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt T – Chức vụ: Giám đốc Công ty. Có mặt.

2. Người bị kiện: Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q.

Địa chỉ: Số B đường C, tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn N – Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Cục Hải quan tỉnh Q và Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q:

+ Ông Ngô Tùng D – Chức vụ: Trưởng phòng Giám sát quản lý về Hải quan

– Cục Hải quan tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Đinh Việt D1 – Chức vụ: Trưởng phòng Thuế Xuất nhập khẩu – Cục Hải quan tỉnh Q. Có mặt.

+ Bà Phùng Thị Nguyên H – Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ thông tin – Cục Hải quan tỉnh Q. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm – Cục Hải quan tỉnh Q. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. T;

Địa chỉ: Số I lô E, đường D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H1 – Chức vụ: Phó vụ trưởng V. Có mặt.

3.2. Cục Hải quan tỉnh Q;

Địa chỉ: Số B đường C, tổ I, khu Đ, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn N – Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q. Có mặt.

3.3. Công ty Cổ phần N3;

Địa chỉ: Tòa nhà P, KTM Đ, đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Minh T1 – Giám đốc Công ty. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Công ty TNHH T9;

Địa chỉ: F đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Phương C – Nhân viên Công ty TNHH T9 (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2022). Vắng mặt.

3.5. Cục Điều tra chống buôn lậu – T;

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Lê Quang H2 – Chức vụ Phó đội trưởng Đội điều tra hình sự. Có mặt.

+ Ông Ngô Thanh T2 – Chức vụ: Phó Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển khu vực M. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Bảo T3 – Chức vụ: Phó trưởng phòng Xử lý vi phạm. Có mặt.

+ Ông Vũ Ngọc Q – Chức vụ: Công chức Đội Điều tra Hình sự. Có mặt.

+ Ông Đặng Tuấn A – Chức vụ: Công chức Hải đội kiểm soát trên biển khu vực M. Có mặt.

3.6. Cục Giám sát quản lý về Hải quan – T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H3 – Chức vụ Phó trưởng phòng Giám quản 5 – Cục Giám sát quản lý về Hải quan – Tổng cục Hải quan. Có mặt.

3.7. Cục T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T4 – Chức vụ Phó trưởng phòng trị giá Hải quan – Cục T. Có mặt.

3.8. Cục Kiểm định – T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú Q1 – Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định hải quan 5 – Cục Kiểm định Hải quan – T. Có mặt.

3.9. Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 - Cục Hải quan tỉnh Q.

Địa chỉ: Số F, đường L, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H4 – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu C2. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Trí D2 – Cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu C2. Có mặt.

+ Ông Vũ Thạch D3 – Cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu C2. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là Công ty TNHH V (XNK) trình bày:

Ngày 04/3/2021, Công ty TNHH V (XNK) (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký hợp đồng mua bán số 0403/2021/VH-NK với Công ty Cổ phần N3 (sau đây viết tắt là Công ty N3) để mua “Đá xây dựng” có kích thước 0-5mm với giá là 77.000đồng/tấn. Công ty N3 có mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được UBND tỉnh H cấp phép khai thác số 36/GP-UBND ngày 29/5/2009 và Công ty N3 đã làm các thủ tục thuê đất, đăng ký, xin phép đúng quy định của pháp luật. Trước khi các bên ký hợp đồng mua bán, Công ty N3 đã cung cấp cho Công ty V Bảng phân tích hàm lượng ngày 01/3/2021 trong đó thể hiện: Mẫu phân tích là “Đá dựng trong túi ríp màu trắng” cỡ hạt 0-5mm, với các chỉ tiêu: CaO là 41,72%, MgO là 11,6% được phân tích bằng phương pháp thủ công TCVN 9191: 2012.

Ngày 08/3/2021, Công ty V ký Hợp đồng kinh tế số 0803/KS-VH/2021 với Công ty K (có trụ sở tại 8F-3, số B, đường D, Đ, Đà Loan) để chuyển nhượng lại 50.000 tấn (+/- 10%) tấn đá xây dựng kích cỡ 0-5mm (chiếm ít nhất 95%) và kích cỡ 5-10mm (chiếm 5%). Giá chuyển nhượng 8.0USD/tấn (giá FOB tại khu neo Hòn Nét, cảng C, Quảng Ninh), nguồn gốc của lô hàng chính là hàng nhận chuyển nhượng của Công ty N3.

Sau đó Công ty V thuê Công ty TNHH T9 làm dịch vụ khai báo hải quan. Ngày 02/4/2021, thông qua đơn vị dịch vụ, Công ty V đã mở tờ khai xuất khẩu đá xây dựng số 303885543201/B11 tại Chi cục Hải quan của khẩu Cảng C. Thông tin

hàng hóa theo khai báo là: “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước <5mm, thu được từ quá trình đập, nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($\text{CaCO}_3 < 85\%$, $7\% < \text{MgCO}_3 < 31,5\%$), dung sai $\pm 10\%$ ”. Khối lượng khai báo là: “50.000 tấn $\pm 10\%$ ”. Mã số hàng hóa: 2517.49.00.30; thuế xuất nhập khẩu: 15%. Tiền thuế phải nộp là 1.380.600.000đồng. Ngày 07/4/2021, Công ty V đã nộp đủ số tiền thuế 1.380.600.000đồng vào ngân sách nhà nước.

Toàn bộ số hàng này sau đó được vận chuyển bằng 27 sà lan (được Công ty V1 hưng thuê Công ty TNHH D6 và Công ty cổ phần H7) vận chuyển từ cảng N (Hà Nam) đến vùng neo H (thuộc cảng C) trong thời gian từ ngày 28/3/2021 đến ngày 07/4/2021. Công ty V thuê phương tiện vận chuyển là tàu MV COS ORCHID để chở hàng từ cảng C đến cho Công ty K1.

Ngày 09/4/2021, tàu MV COS ORCHID đến cảng C. Tại đây, hàng được Công ty Cổ phần D7 lên tàu COS ORCHID theo hợp đồng nguyên tắc xếp dỡ hàng hóa số 2303/2021/VH-BM. Quá trình bốc hàng bắt đầu từ 18h ngày 09/4/2021 đến khoảng 10h sáng ngày 12/4/2021 thì kết thúc.

Cùng ngày 09/4/2021, cán bộ Hải quan thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 và cán bộ thuộc Chi cục Hải quan C2 cùng đại diện Công ty V ra nơi tập kết hàng lấy mẫu kiểm định chất lượng để xác định tên hàng và mã số Hải quan. Ngày 10/4/2021, C2 5 ra thông báo về kết quả phân tích kèm theo mã số hàng hóa số 64/TB-KD5 khẳng định “Mẫu yêu cầu phân tích là đá có thành phần canxi cacbonat (CaCO_3) 70,39% và magie cacbonat (MgCO_3) 25,68% tính theo khối lượng, kích thước từ $\leq 5\text{mm}$, có nguồn gốc từ đá vôi”. Hàng hóa xuất khẩu này có mã số phù hợp với khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. Từ khai đã được Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 cấp phép giải phóng hàng trong khi chờ chứng thư giám định khối lượng tại cảng xếp. Theo kế hoạch thì 15h ngày 13/4/2021 khi được thủy triều tàu sẽ làm thủ tục xuất cảnh.

Tuy nhiên, ngày 12/4/2021, Hải đội kiểm soát trên biển khu vực Miền B – Cục Điều tra chống buôn lậu – T đã đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu hàng và đã tiến hành lấy 06 mẫu tại 5 hầm hàng của tàu COS ORCHIRD đang neo đậu tại khu vực H (lấy mẫu bằng phương pháp thủ công, dùng xô và tay đào, mức mẫu hàng). 13h30 ngày 13/4/2021, Doanh nghiệp được Hải đội kiểm soát trên biển khu vực Miền B – Cục Điều tra chống buôn lậu yêu cầu đến làm việc để cung cấp thông tin và mang đầy đủ hồ sơ chứng minh nguồn gốc lô hàng và có biên bản làm việc ngày 13/4/2021. Sau buổi làm việc, Công ty V vẫn chưa nhận được thông báo nào của Hải quan để lô hàng có thể xuất cảnh theo đúng kế hoạch.

Đến ngày 15/4/2021, Công ty V được Đội điều tra hình sự - Cục điều tra chống buôn lậu yêu cầu đến làm việc về các nội dung liên quan đến lô hàng. Tại buổi làm việc kéo dài từ sáng đến chiều, Công ty V đã trình bày, giải trình và tiếp tục cung cấp lần 2 các hồ sơ, tài liệu liên quan. Sau buổi làm việc ngày 15/4/2021, Công ty V vẫn không biết rằng lô hàng của mình có được xuất cảnh không và cơ quan Hải quan cũng không thông báo giải quyết thế nào về lô hàng này về thời gian tàu khởi hành.

Ngày 29/4/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan 5 căn cứ Giấy chứng nhận

kết quả thử nghiệm số 01/KV5-2021 và Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm số 44/KLL/2021 ngày 29/4/2021 của Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất thuộc T10 đã ban hành Công văn số 18/KD5 kết luận:

“Mẫu yêu cầu phân tích là hỗn hợp bột và viên (kích thước <5mm) có thành khoáng vật dolomit –C, M (CO₃)₂ 76-78)%, canxi-CaCO₃ (14-16%), thành phần CaCO₃ 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%) và MgCO₃ 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung kết hoặc thiêu kết. Đây là khoáng sản làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu, không phải là vật liệu xây dựng thông thường (do có hàm lượng MgO ≥ 15%) nên thuộc nhóm 25.18, mã số 2518.10.00”.

Đồng thời Chi cục Hải quan này cũng ban hành Công văn số 85/KDD5 thu hồi Thông báo kết quả số 64/TB-KĐ5 ngày 10/4/2021 do chính Chi cục Hải quan kiểm định này thử nghiệm lô hàng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Theo Hợp đồng thỏa thuận với chủ tàu COS ORCHID, một ngày chậm xuất cảng so với kế hoạch là doanh nghiệp bị thiệt hại 18.000USD cùng tiền phạt liên quan tiến độ vận chuyển là con số rất lớn, gây tổn thất nghiêm trọng cho doanh nghiệp. Do đó, ngày 15/4/2021, Công ty V đã có đơn kêu cứu khẩn cấp gửi Bộ trưởng Bộ T11 và Tổng cục trưởng T để đề nghị giải quyết cho tàu được vận chuyển lô hàng xuất khẩu theo thủ tục Công ty đã khai báo. Do không nhận được phản hồi, ngày 21/4/2021, Công ty V tiếp tục gửi đơn kêu cứu khẩn cấp đến T, Cục Điều tra chống buôn lậu, Hải đội kiểm soát trên biển khu vực M để xin phép được xuống hàng, giải phóng phương tiện vận tải, tránh những tổn thất và thiệt hại kinh tế quá lớn đối với doanh nghiệp. Ngày 23/4/2021, Công ty TNHH Đ1 (là đơn vị được chỉ định làm đại lý tàu COS ORCHID đề nghị T và Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 giải quyết cho phương tiện sớm được giải phóng vì mỗi ngày tàu nằm trên cảng sẽ gây thiệt hại khoảng 1.000.000USD (đây là thiệt hại rất lớn, có thể khiến doanh nghiệp bị phá sản).

Ngày 27/4/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan C2 đã thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo T tiến hành tách mẫu đã lấy ngày 2/4/2021 và đang lưu tại Chi cục KĐ5 để đi giám định tại đơn vị chuyên ngành. Cùng ngày 27/4/2021, T đã có văn bản số 1974/TCHQ-CĐTCBL gửi Cục Hải quan tỉnh Q về việc kiểm tra, thực hiện thủ tục dừng hàng qua khu vực giám sát Hải quan. Căn cứ công văn số 1974/TCHQ-CĐTCBL ngày 27/4/2021 của Cục Điều tra chống buôn lậu – T, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã ban hành Thông báo số 542/TB-TCHQ ngày 28/4/2021 về việc tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát đối với lô hàng 303885543201/B11 của Công ty V.

Căn cứ vào đơn kêu cứu các ngày 15/4/2021; 21/4/2021 của Công ty V và đơn đề nghị giải phóng tàu ngày 23/4/2021 của Công ty TNHH Đ1, đến ngày 04/5/2021, T đã có văn bản số 2044/TCHQ giao cho Cục Hải quan tỉnh Q chỉ đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 làm việc trực tiếp với các đơn vị có liên quan thống nhất phương án dỡ hàng, lưu hàng hóa để báo cáo, đề xuất lãnh đạo Tổng cục xem xét, quyết định.

Ngày 06/5/2021, Công ty V tiếp tục làm việc với Cục Hải quan tỉnh Q về

một số nội dung liên quan đến việc đăng ký, làm thủ tục hải quan đối với tờ khai số 303885543201/B11 của Công ty V.

Ngày 23/5/2021, Cục Hải quan tỉnh Q có công văn số 1456/HQQN-GSQL gửi T báo cáo và đề xuất Cục H đồng ý đề nghị dỡ hàng, giải phóng tàu.

Đến ngày 24/5/2021, vì chưa có công văn trả lời của T để gửi chủ tàu, doanh nghiệp không được tuyên bố trường hợp bất khả kháng theo hợp đồng thuê tàu COS ORCHID, chủ tàu đã yêu cầu Luật sư thông báo cho doanh nghiệp phải trả 2 triệu USD và xuống hàng giải phóng tàu (thiệt hại hàng ngày 500 triệu VNĐ). Công ty V có văn bản đề nghị T giúp đỡ sớm kết thúc điều tra để giải phóng tàu Tây, khi đó doanh nghiệp đã ký các hợp đồng bốc xếp, sà lan, kho bãi theo yêu cầu của Hải quan để bố trí xuống hàng.

Trên cơ sở đề nghị của Công ty V, Đội điều tra hình sự - Cục Điều tra chống buôn lậu – T đã có buổi làm việc ngày 31/5/2021. Thời điểm này tàu COS ORCHID đã bị giữ ở cảng quá lâu, ước tính thiệt hại tăng lên từng ngày, thiệt hại còn lớn hơn cả tổng vốn của doanh nghiệp, có thể khiến doanh nghiệp bị phá sản, do vậy, Công ty V chỉ muốn vụ việc được sớm giải quyết nên đã phải miễn cưỡng bỏ qua tất cả các nội dung khác, chỉ muốn kết thúc điều tra và có thể xuống hàng, giải phóng cho tàu COS ORCHID.

Để chuẩn bị cho việc xuống hàng, Công ty V ký hợp đồng dịch vụ xếp dỡ, lưu bãi hàng hóa số 01.2021/HDDV/VH-CPI với Công ty cổ phần Đ2 địa chỉ tại số A, đường C, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty Cổ phần Đ2 có trách nhiệm bố trí cầu bến, thiết bị, bãi và các điều kiện khác để vận chuyển toàn bộ số lô hàng, lưu trữ tại các khu bãi thuộc địa phận quản lý của Cảng Q.

Ngày 04/6/2021, đối tác của Công ty V là Công ty K2 đã gửi văn bản về việc hủy hợp đồng mua bán số 0803/KS-VH/2021 do việc giao hàng bị chậm.

Ngày 08/6/2021, Công ty V tiếp tục có công văn số 0806/2021/CV-VH về việc xin dỡ hàng gửi T, Cục Hải quan tỉnh Q, Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 để đưa ra phương án bốc dỡ, lưu trữ hàng hóa để xin được xuống hàng, giải phóng tàu. Đồng thời Công ty V tiếp tục đề nghị các cơ quan sớm kết thúc điều tra.

Ngày 17/6/2021, T có công văn số 2976/TCHQ-GSQL gửi Cục Hải quan tỉnh Q có nội dung đồng ý phương án dỡ hàng, giải phóng tàu đối với lô hàng xuất khẩu đá thuộc tờ khai số 303885543201. Ngày 18/6/2021, Cục Hải quan tỉnh Q có công văn số 1950/HQQN-GSQL về việc thực hiện phương án dỡ hàng, giải phóng tàu đối với lô hàng xuất khẩu đá vôi của Công ty V. Theo đó, toàn bộ lô hàng được dỡ từ tàu COS ORCHID xuống sà lan, sau đó vận chuyển và tập kết tại 4 cầu cảng thuộc cảng C (theo hợp đồng vận chuyển với Công ty TNHH H8). Sau đó Công ty Cổ phần Đ2 sẽ xếp dỡ hàng hóa từ các sà lan lên xe tải, vận chuyển vào khu bãi số 7 để lưu hàng hóa, đáp ứng yêu cầu của Hải quan (theo hợp đồng xếp dỡ hàng hóa, lưu bãi hàng hóa với Công ty Cổ phần Đ2). Hàng hóa được lưu tại đó đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan Hải quan, được bàn giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 giám sát. Chi phí lưu kho tại cảng C

mà Công ty V đã trả là 4.700.000.000đồng, chi phí vận chuyển sà lan là 1.500.000.000đồng. Tới ngày 18/7/2021 Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 lập biên bản bàn giao lô hàng của Công ty V cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2.

Khi Công ty V đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề tài chính phải giải quyết liên quan đến việc lô hàng bị giữ ở cửa khẩu. Vào ngày 15/6/2022, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực Hải quan đối với Công ty V. Biên bản xác định Công ty V có hành vi vi phạm hành chính: “Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” và “Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan” – quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan.

Ngày 20/6/2022, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q đã ra Quyết định số 542/QĐ-XPHC về xử phạt hành chính trong lĩnh vực Hải quan, xử phạt Công ty V bởi các hành vi vi phạm hành chính: “Xuất khẩu 49.749,67 tấn đá dolomit thuộc tờ khai số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 không đáp ứng điều kiện xuất khẩu” và “Mua bán, vận chuyển 49.749,67 tấn đá dolomit thuộc tờ khai số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan”. Hành vi hành chính quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan. Tổng số tiền phạt vi phạm hành chính đối với cả hai hành vi vi phạm là 110.000.000đồng, hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là toàn bộ số đá dolomit thuộc tờ khai số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho bãi của Công ty Cổ phần C3.

Công ty V nhận thấy Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan có các sai phạm như sau:

1. Việc tạm giữ tàu nước ngoài tại cảng Việt Nam 72 ngày mà không có lệnh của cơ quan có thẩm quyền theo Luật hàng hải Việt Nam và Luật xử lý vi phạm hành chính là trái pháp luật, cụ thể: Điều 129, Điều 130 Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015 quy định: “Bắt giữ tàu biển được hiểu là việc cơ quan có thẩm quyền không cho phép tàu biển di chuyển hoặc hạn chế di chuyển tàu biển bằng quyết định của Tòa án, để đảm bảo giải quyết khiếu nại hàng hải, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thi hành án dân sự và thực hiện hỗ trợ tư pháp ... Thẩm quyền bắt giữ tàu biển: Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng biển bị yêu cầu bắt giữ đang hoạt động hàng hải có thẩm quyền bắt giữ tàu biển”. Cụ thể trong vụ việc này cần có quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Cục T đánh giá sai trị giá tính thuế của lô hàng (công văn số 7020/TXNK ngày 08/9/2021 của Cục T) mức giá xác định: 90USD/tấn, tiền thuế phải nộp là: 10.665.135.000 đồng. Số thuế chênh lệch tăng: 9.284.535.000 đồng”. Việc tính mức giá 90USD/tấn dựa theo phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ

quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại trên cơ sở vận dụng phương pháp giá bán của hàng hóa giống hệt, tương tự tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan để tính giá trị là không có căn cứ, chủ quan .. từ đó kết luận Công ty V trốn thuế với số tiền rất lớn là việc vô cùng nghiêm trọng. Công ty không hiểu vì sao mà lô hàng đá mặt có hợp đồng mua bán, hóa đơn tài chính tổng tiền mua hàng hơn 4 tỉ đồng nhưng Cục T đã định giá lên thành khoảng 100 tỉ đồng theo tỉ giá hối đoái hiện nay. Kết quả xác định này là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc tạm giữ quá lâu lô hàng gây ra số tiền lưu kho bãi vô cùng lớn. Kết quả xác định giá trị này sẽ còn hệ lụy đến số tiền mà Hải quan Quảng Ninh phải trả cho Công ty Đ2 rất to lớn do không bán được hàng cho là vi phạm.

3. Việc giải quyết Đơn thư tố giác của Cục Điều tra chống buôn lậu – T trái với trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật, cụ thể: Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018 thì thời hạn giải quyết đơn thư tố cáo là 30 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Người giải quyết tố cáo phải có quyết định bằng văn bản, việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo cho người bị tố cáo, người tố cáo và người bị tố cáo, cơ quan liên quan. Trong vụ việc này, Cục Điều tra chống buôn lậu – T thụ lý đơn thư tố cáo từ ngày 12/4/2021, nhưng đến tháng 6/2022 Hải quan Q2 mới ban hành Quyết định xử lý hành chính. Trong thời gian đó Công ty không hề nhận được văn bản thông báo nào về việc gia hạn giải quyết tin tố giác.

4. Việc kiểm định hàng hóa xuất nhập khẩu đối với lô hàng thiếu khách quan và chính xác, sai quy trình theo Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 6/9/2017 của T về việc ban hành quy chế kiểm định, phân tích hàng hóa xuất nhập khẩu: (1) Hải đội kiểm soát trên biển khu vực miền B – Cục Điều tra chống buôn lậu – T đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu hàng và đã tiến hành lấy 06 mẫu hàng tại 5 hầm hàng của tàu COS ORCHID đang neo đậu tại khu vực H, cửa khẩu C2, tỉnh Quảng Ninh là không chính xác, bởi lẽ đây là hàng hóa khai thác từ mỏ tự nhiên, hàm lượng các yếu tố hóa học không đồng nhất vì vậy khi lấy mẫu phải trộn đều vào một mẫu chung; Quyết định nêu trên quy định: “Trường hợp nghi ngờ lô hàng không đồng nhất thì phải lấy mẫu trên các bao gói khác nhau, ở các vị trí khác nhau (trên, dưới, giữa và góc) sau đó trộn đều vào một mẫu chung. (2) Việc Công ty N3 được cấp phép khai thác mỏ đá tự nhiên thì thành phần đá vôi Mẫu yêu cầu phân tích là đá có thành phần canxi cacbonat (CaCO_3) 70,39% và magie cacbonat (MgCO_3) 25,68% tính theo khối lượng, kích thước $\leq 5\text{mm}$, có nguồn gốc từ đá vôi sẽ không thể ổn định. Vì thế kết quả phân tích của các lần giám định đều cho kết quả khác nhau. Lần thứ nhất Chi cục Hải quan Kiểm định C2 thử nghiệm mẫu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (Thông báo số 64) nhưng sau đó cũng chính đơn vị này kiểm định lại cho kết quả khác. Và cùng một mẫu nhưng ba đơn vị phân tích, kiểm định một số thành phần cũng cho kết quả khác nhau. (3) Vilas 003: $\text{mgco}_3 = 40,20\%$, vilas 032: 39,09%, 44/kkl=? Không có kết quả, giá trị lỗi của cùng một mẫu là 1%, có nghĩa là mgo 18,61%, có thể là giá trị sai số 1%, nếu $18,61 - 1\% = 17,61\%$ cũng xảy ra nghĩa là Công ty V khai báo là hợp pháp, kiểm tra khoa học có TORLENCE 1%, 18,56% thì chỉ có kháng chênh lệch

0,56% sẽ gây ra tổn thất thực tế rất lớn.

5. Quyết định số 542/QĐ-XPHC của Cục H xác định 02 hành vi vi phạm của Công ty V: “Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” và “Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan” – quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan. Việc xác định Công ty V có 02 hành vi vi phạm nêu trên là không đúng. Bởi lẽ, Công ty V đã xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa nội địa, có hóa đơn tài chính bán hàng của bên bán hàng là Công ty N3, Công ty N3 có tư cách pháp nhân, được thành lập hợp pháp, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, có địa chỉ rõ ràng, cũng như đã kinh doanh khai thác đá xây dựng từ năm 2009 đến hiện tại đã 13 năm. Việc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q ban hành quyết định tịch thu lô hàng của Công ty V với lý do hàng hóa không có nguồn gốc hợp pháp là hoàn toàn không chính xác, bởi đây cũng không phải hàng cấm, hàng lậu.

Bên cạnh đó, quy trình, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ hàng hóa cũng sai quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi bởi điểm b khoản 64 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020 quy định thời gian tạm giữ tang vật vi phạm hành chính.

“Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ; trường hợp vụ việc phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn tạm giữ không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ.

Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 của Luật này nhưng không quá 01 tháng, kể từ ngày tạm giữ. Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật này thì thời hạn tạm giữ có thể được tiếp tục kéo dài nhưng không quá 02 tháng, kể từ ngày tạm giữ.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thực tế.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm; hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không vượt quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 66 của Luật này. Trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì thời hạn tạm giữ kết thúc khi quyết định xử phạt được thi hành xong.

Người có thẩm quyền tạm giữ phải ra quyết định tạm giữ, kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề”.

Theo khoản 1 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định: “Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết

bị kỹ thuật nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay khi xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm”.

Ngày 29/4/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan C2 có công văn số 18/KĐ-TH kèm theo các chứng nhận kết quả thử nghiệm của Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất thuộc T10 ngày 28/4/2021. Theo đó kết quả phân tích lô hàng của Công ty V xuất khẩu là đá có thành phần Dolomit, kê khai không đúng về hàng hóa, chủng loại xuất khẩu. Tuy nhiên đến ngày 15/6/2022 mới lập biên bản vi phạm hành chính là trái quy định của pháp luật.

Vì vậy, Công ty V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan đối với Công ty V.

2. Buộc Cục Hải quan tỉnh Q bồi thường thiệt hại liên quan đến những sai phạm tại Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan, tổng số tiền là 88.500.000.000đ, bao gồm các khoản tiền sau đây:

- Toàn bộ thiệt hại liên quan đến việc giữ tàu COS ORCHID, không cho Công ty V xuống hàng sớm theo đề nghị của Công ty V và hãng tàu về giải phóng phương tiện. Vì vậy mà Công ty V phải bồi thường cho chủ tàu COS ORCHID cụ thể: Theo chủ tàu COS ORCHID yêu cầu đề xuất Tòa án trọng tài Hàng Hải Hồng Kông yêu cầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ tàu COS ORCHID 2,531,810.47USD (Đến ngày 17/6/2021 Cục Giám sát quản lý - TCHQ mới có công văn 2976/TCHQ-GSQL gửi Hải quan Quảng Ninh về phương án dỡ hàng, giải phóng tàu) tương ứng với 58.000.000.000đồng (Năm mươi tám tỉ đồng) làm tròn theo tỉ giá hiện nay.

- Hoàn trả cho Công ty V số tiền 20.308.268.000đồng (Hai mươi tỉ ba trăm lẻ tám triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) chi phí thuê kho bãi tạm giữ hàng hóa tạm tính từ ngày 17/7/2021 đến ngày 17/6/2022 để Công ty V thanh toán cho Cảng C (theo công văn số 81/CV-CPI ngày 28/6/2022 của Công ty Đ2 về việc đề nghị thanh toán tiền lưu bãi lô hàng đá mặt 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng) chi phí bốc xếp vận chuyển từ tàu tây về kho bãi cảng C; 4.700.000.000đ (Bốn tỉ bảy trăm triệu đồng) Công ty V đã thanh toán cho Cảng C chi phí bốc xếp, vận chuyển 50.000 tấn đá mặt từ sà lan, vận chuyển về cảng và chi phí lưu kho từ khi tấn hàng đầu tiên vào bãi đến ngày 17/7/2021. Thiệt hại giá trị hàng hóa do bị thu giữ: 4.300.000.000đ (Bốn tỉ ba trăm triệu đồng).

Người bị kiện là Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục Hải quan tỉnh Q có quan điểm:

1. Hàng hóa xuất khẩu thuộc tờ khai số 303885543201/B11 của Công ty V được cơ quan Hải quan giám sát, hoàn thành xếp lên tàu COS ORCHID ngày 12/4/2021. Do có thông tin tố giác, Cục Điều tra Chống buôn lậu đang thụ lý điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc lô hàng và dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan đối với hàng hóa của Công ty; Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã thực hiện

thủ tục dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan theo đúng quy định tại Điều 52d Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 - Cục Hải quan tỉnh Q không thực hiện việc tạm giữ tàu nước ngoài tại cảng Việt Nam theo quy định của Luật Hàng hải. Không thực hiện thủ tục tạm giữ cũng như ban hành quyết định tạm giữ phương tiện đối với tàu COS ORCHID neo đậu tại khu vực H, C.

2. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 166/QĐ-TCHQ ngày 18/1/2021 về việc ban hành Bản hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại về xử phạt vi phạm hành chính trong ngành Hải quan có quy định: “*Đối với tang vật không bị tịch thu thì trị giá tang vật, phương tiện vi phạm là trị giá hải quan, được xác định theo quy định hiện hành về xác định trị giá hải quan ở thời điểm lập biên bản vi phạm...*”

- Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (Sửa đổi tại Khoản 3 Điều 1, Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019) có quy định phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu:

- (1). *Phương pháp xác định giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất*
- (2). *Phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hết hoặc tương tự tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan*
- (3). *Phương pháp giá bán của hàng hóa giống hết hoặc tương tự tại thị trường Việt Nam*
- (4). *Phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại.*

Mặt hàng theo khai báo: Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước < 5mm, thu được từ quá trình đập, nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($\text{CaCO}_3 < 85\%$, $7\% < \text{MgCO}_3 < 31.5\%$).

Theo kết quả giám định và phân tích: Mẫu yêu cầu phân tích là hỗn hợp bột và viên (kích thước nhỏ hơn < 5mm), có bản chất là dolomit, thành phần khoáng vật dolomit-C, $\text{M}(\text{CO}_3)_2$ (76-78)%, canxit- CaCO_3 (14-16)%, thành phần CaCO_3 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%) và MgCO_3 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung hoặc thiêu kết.

- Do hàng hóa xuất khẩu không đúng với khai báo hải quan, nên việc xác định trị giá hải quan không thể thực hiện theo phương pháp thứ nhất: “*Phương pháp xác định giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất*”.

- Mặt hàng đá Dolomite chưa nung, dạng cục dùng trong xây dựng kích cỡ dưới 60mm nằm trong danh mục rủi ro về trị giá tại Quyết định 1707/QĐ-TCHQ ngày 30/6/2020, với mức giá là 90 USD/tấn.

- Qua tra cứu trên Hệ thống thì mặt hàng đá dolomit có nhiều mức giá khai báo khác nhau từ 75 USD đến 95 USD. Cục T đã xác định trị giá theo phương pháp “*Phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập,*

tổng hợp, phân loại”.

Trong trường hợp này, Cục T - T đã xác định trị giá lô hàng để tính thuế đúng theo quy định.

3. Căn cứ Điều 2 Luật Tố cáo năm 2018 quy định: “1. Tố cáo là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật này báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Căn cứ khoản 1 Điều 144 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “1. Tố giác về tội phạm là việc cá nhân phát hiện và tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm với cơ quan có thẩm quyền”. Như vậy sự tố cáo của công dân về các hành vi có dấu hiệu tội phạm được coi là tố giác.

- Trong hồ sơ có 02 đơn tố giác của 03 cá nhân: (1) Ông Lê Văn M1 ở Hà Nam ; (2) Bà Vũ Thị O và bà Nguyễn Thị N1 ở Hòa Bình gửi đến đồng chí Lưu Mạnh T5, đơn tố giác cung cấp thông tin liên quan đến lô hàng của Công ty V có hành vi gian lận trong khai báo mã số để gian lận thuế, gian lận chính sách mặt hàng.

- Cục Điều tra chống buôn lậu xử lý đơn của các cá nhân trên theo trình tự, thủ tục về tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác về tội phạm quy định tại các Điều 145, 146, 147 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 4 Điều 145 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố” thì Cục Điều tra chống buôn lậu không phải có trách nhiệm thông báo về kết quả giải quyết tin báo cho Công ty V.

Do đó căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này là không chính xác.

4. Nguyên đơn cho rằng: Hải đội kiểm soát trên biển khu vực miền B – Cục Điều tra chống buôn lậu – T đề nghị kiểm tra thực tế hàng hoá, lấy mẫu hàng và đã tiến hành lấy 06 mẫu hàng tại 5 hầm hàng của tàu COS ORCHID.

Tuy nhiên, theo Biên bản lấy mẫu ngày 12/4/2021, Các mẫu từ 05 hầm hàng được trộn đều rồi lấy vào 06 túi nilon là đảm bảo, đúng quy định về việc lấy mẫu.

- Về nội dung nguyên đơn cho rằng: Việc Công ty N3 được cấp phép khai thác Mỏ đá tự nhiên thì thành phần đá vôi Mẫu yêu cầu phân tích là đá có thành phần canxi cacbonat (CaCO_3) 70,39% và magie cacbonat (MgCO_3) 25,68% tính theo khối lượng, kích thước từ $\leq 5\text{mm}$, có nguồn gốc từ đá vôi sẽ không thể ổn định nên kết quả phân tích của các lần giám định đều cho kết quả khác nhau. Lần thứ nhất Chi cục Hải quan Kiểm định C2 thử nghiệm mẫu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (thông báo số 64) nhưng sau đó cũng chính đơn vị này kiểm định lại cho kết quả khác. Và cùng một mẫu nhưng ba đơn vị phân tích, kiểm định một số thành phần cũng cho kết quả khác nhau.

Nguyên nhân có sự sai khác về kết quả của Chi cục Kiểm định hải quan C2

(CCKĐ5) giữa 2 lần lấy mẫu là do lần thứ nhất mẫu hàng được lấy đại diện từ 04/27 sà lan theo tỷ lệ kiểm hoá 15% lô hàng, lần thứ 2 mẫu hàng được lấy tại tất cả 05 hầm hàng của tàu biển COS ORCHID (được bốc xếp từ toàn bộ 27 sà lan của lô hàng) nên mang tính đại diện hơn so với lần 1. Ngoài ra, Hàm lượng $MgCO_3$ của lần thứ 2 (39,09%) cao hơn so với lần 1 (25,68%) nên hàm lượng $MgCO_3$ thực tế của mẫu hàng tại các sà lan còn lại (không phải là 04 sà lan đã lấy mẫu từ lần 1) có thể còn cao hơn so với kết quả kiểm tra lần thứ 2.

- Về sự sai khác kết quả phân tích của các đơn vị phân tích, kiểm định trên cùng 1 mẫu hàng:

+ Kết quả hàm lượng Magie cacbonat ($MgCO_3$) của các đơn vị phân tích như sau:

STT	Đơn vị phân tích	Kết quả (%)	Độ tái lập tương đối giữa các phòng thí nghiệm (%)
1	Vilas 003	40,20	1,98
2	Vilas 032	39,09	

+ Hiện nay, Tiêu chuẩn Việt Nam chưa có quy định giới hạn về độ tái lập tương đối giữa các phòng thí nghiệm. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Hiệp hội các nhà hóa học Mỹ (AOAC) tại phụ lục F: Hướng dẫn các yêu cầu thực hiện phương pháp (hướng dẫn này được các tổ chức Công nhận như BoA, AOSC... chấp nhận để thực hiện xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp) thì giới hạn của độ tái lập tương đối giữa các phòng thí nghiệm với hàm lượng trên 10% là 2%. Do đó, độ tái lập tương đối giữa các kết quả phân tích hàm lượng Magie cacbonat ($MgCO_3$) giữa các phòng thí nghiệm Vilas 003, Vilas 032 thấp hơn so với mức giới hạn cho phép và vì vậy, việc sai khác kết quả phân tích trong trường hợp này là chấp nhận được.

Từ các lý do nêu trên cho thấy căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này là không có căn cứ khoa học.

- Về nội dung nguyên đơn cho rằng: Vilas 003: $mgco_3 = 40,20\%$, Vilas 032: $39,09\%$, $44/kkl = ?$ Không có kết quả, giá trị lỗi của cùng một mẫu là 1%, có nghĩa là $Mgo 18,61\%$, có thể là giá trị sai số 1%, nếu $18,61\% - 1\% = 17,61\%$ cũng xảy ra nghĩa là Công ty V khai báo là hợp pháp, kiểm tra khoa học có TORLENCE 1%, 18,56% thì chỉ có khoảng chênh lệch 0,56% sẽ gây ra tổn thất thực tế rất lớn.

Theo khai báo mẫu hàng là “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước 0-5mm, thu được từ quá trình đập nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($CaCO_3 < 85\%$, $7\% < MgCO_3 < 31,5\%$). Dung sai $\pm 10\% \# \& VN$ ” (mã số 2517.49.00.30). Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy mẫu hàng là “hỗn hợp bột và viên (kích thước nhỏ hơn $< 5mm$), có thành phần khoáng vật dolomit- $C, M(CO_3)_2$ (76-78)%, canxit- $CaCO_3$ (14-16)%, thành phần $CaCO_3$ 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%) và $MgCO_3$ 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung hoặc thiêu kết” (mã số 2518.10.00) khác nhau về bản chất, mã số phân loại và hàm lượng $MgCO_3$ nằm ngoài khoảng khai báo.

Do đó, căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này là không đúng.

5. Cục Hải quan tỉnh xác định Công ty V có 2 hành vi vi phạm là hành vi: “Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” và “Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan”, vì các lý do sau:

- Hành vi xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn.

+ Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Khoáng sản quy định: *Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: Đá dolomit có hàm lượng MgO nhỏ hơn 15%, đá dolomit không đủ tiêu chuẩn sản xuất thủy tinh xây dựng, làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát, đá mỹ nghệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.*

+ Căn cứ Thông tư 05/2019/TT- BXD ngày 10/10/2019 sửa đổi bổ sung phụ lục của Thông tư 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 của Bộ X hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng quy định điều kiện xuất khẩu đối với khoáng sản là *Dolomit làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng* hoặc các lĩnh vực khác: *Hàm lượng MgO $\geq 18\%$;*

+ Căn cứ công văn số 84/KĐ5-NV ngày 17/6/2021 của Chi cục Kiểm định Hải quan 5 về việc tên hàng, mã số hàng hóa cho tờ khai 30388554320/B11, xác định: *“mẫu yêu cầu phân tích là hỗn hợp bột và viên (kích thước nhỏ hơn $<5\text{mm}$), có bản chất là dolomit, thành phần khoáng vật dolomit- $\text{C}, \text{M}(\text{CO}_3)_2$ (76-78)%, canxit- CaCO_3 (14-16)%, thành phần CaCO_3 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%) và MgCO_3 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung hoặc thiêu kết; Mã số hàng hóa: 2518.10.00”.*

+ Căn cứ Điều 82 Luật Khoáng sản thì lô hàng của Công ty V phải được khai thác từ các mỏ có giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ T12 cấp. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra do Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện thì lô hàng của Công ty V không được khai thác từ các mỏ có giấy phép của Bộ T12 cấp. Do đó, Công ty V đã có hành vi Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện (*phải được khai thác từ mỏ có giấy phép do Bộ T12 môi trường cấp*), quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

- Hành vi mua bán hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật Hải quan quy định: *“Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”.*

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan quy định: *“Người khai hải quan có nghĩa vụ: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan”.*

Hồ sơ thể hiện Công ty V đã ký kết hợp đồng mua lô hàng trên từ Công ty

N3 (hợp đồng số 03403/2021/VH-NK ngày 04/03/2021), đồng thời ký kết hợp đồng bán lô hàng vi phạm cho Công ty K1 (hợp đồng số 0803/KS-VH/2021, xuất hóa đơn số KS-210308 ngày 08/03/2021). Như vậy là đã hoàn thành hành vi mua bán hàng hóa xuất khẩu.

Toàn bộ lô hàng đã được đưa đến khu vực làm thủ tục hải quan, đã bốc xếp lên phương tiện xuất cảnh, như vậy việc mua bán hàng hóa xuất khẩu của Công ty V đã được thực hiện trong địa bàn hoạt động hải quan.

Trong quá trình điều tra cũng như đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, Công ty V chỉ cung cấp các chứng từ như hóa đơn, hợp đồng thương mại của lô hàng với tên gọi là “Đá xây dựng” và khai báo trên tờ khai hải quan là “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi”. Tuy nhiên, theo kết quả giám định thì lô hàng là D4 có hàm lượng MgO>18%, không phải là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Do đó, Công ty V đã có hành vi mua bán hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan quy định tại điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

- Về quy trình, thủ tục thời điểm lập Biên bản VPHC, tạm giữ hàng hóa:

Tại thời điểm ngày 29/4/2021, Chi cục Kiểm định hải quan C2 có công văn số 18/KĐ-TH xác định hàng hóa của Công ty V là Đá Dolomit. Tuy nhiên, vụ việc có số tiền thuế chênh lệch là 9.284.535.000 VNĐ (theo công văn số 7020/TXNK-TGHQ ngày 08/9/2021 của Cục T), mặt hàng chịu chính sách quản lý nghiêm của Nhà nước (*Phải được khai thác từ mỏ có giấy phép do Bộ T12 môi trường cấp*) nên nhận định vụ việc có dấu hiệu tội phạm (buôn lậu/trốn thuế) Cục Điều tra chống buôn lậu đã tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh để làm rõ. Để đảm bảo không “Giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính” quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật xử lý vi phạm hành chính, cơ quan hải quan không lập biên bản vi phạm hành chính tại thời điểm có kết quả phân tích, giám định (ngày 29/4/2021).

6. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 542/QĐ-XPHC:

- Căn cứ ban hành Quyết định XPHC:

+ Xét thấy trị giá lô hàng vi phạm lớn 9.204.000.000 đồng (*theo trị giá khai báo trên tờ khai xuất khẩu*); thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền Cục trưởng cục Hải quan tỉnh Q, Chi cục HQCK cảng C2 đã báo cáo đề xuất, chuyển hồ sơ vụ việc để Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP*).

+ Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020*) và các Nghị định hướng dẫn thi hành, ngày 28/7/2022, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 542/QĐ-XPHC là có căn cứ, đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (có hành vi vi phạm; có quy định pháp luật

điều chỉnh; có chế tài xử phạt; đúng người có thẩm quyền xử phạt).

- Về thể thức, kỹ thuật trình bày của Quyết định số 542/QĐ-XPHC:

+ Về kỹ thuật trình bày còn thiếu tên cơ quan chủ quản của cơ quan có thẩm quyền quyết định (T) theo mẫu MQĐ02 tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021.

+ Về phần căn cứ của Quyết định còn thiếu Điều 42 Luật XLVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật số Luật 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020) - là điều quy định về thẩm quyền của Hải quan trong xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập.

Những sai sót trên là do lỗi về kỹ thuật soạn thảo văn bản, không ảnh hưởng đến nội dung, hiệu lực của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 542/QĐ-XPHC do đó Tổ Xác minh đề nghị Cục Hải quan tỉnh ban hành quyết định đính chính theo quy định (quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

Như vậy, nội dung đề nghị của Công ty V về việc: Hủy Quyết định hành chính số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q; Buộc Cục Hải quan tỉnh Q bồi thường thiệt hại liên quan đến những sai phạm tại Quyết định 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q với tổng số tiền là 88.500.000.000 VNĐ (tám mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng) là không có cơ sở giải quyết.

Công ty cổ phần N3 có quan điểm:

Công ty N3 và Công ty V ký hợp đồng mua bán số 0403/2021/VH-NK ngày 04/3/2021, theo đó Công ty N3 bán cho Công ty V đá xây dựng, kích thước 0-5mm, số lượng 50.000 tấn, đơn giá 77.000đ/tấn; thành tiền là 3.850.000.000 đồng; thuế GTGT 10%: 385.000.000 đồng. Tổng cộng 4.235.000.000 đồng. Ngoài ra Công ty còn thỏa thuận về tiêu chuẩn chất lượng, địa điểm giao hàng, thời gian giao hàng, phương thức nghiệm thu, giao nhận hàng, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, sự kiện bất khả kháng, chấm dứt hợp đồng và cam kết chung.

Ngày 05/3/2021, hai bên ký Phụ lục hợp đồng mua bán, bổ sung phương thức giao nhận hàng: Khối lượng đá được xác định bằng cách đo trực tiếp trên phương tiện vận chuyển của bên B tại cảng của bên B tính bằng m³. Khi xe hàng đã đổ xuống thuyền, xà lan của bên A thì hai bên đã hoàn thành việc giao nhận đối với xe hàng đó; hệ số quy đổi từ m³ sang tấn như sau: 1m³ = 1,7 tấn.

Sau khi Hợp đồng mua bán và phụ lục được ký kết, Công ty N3 đã thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Công ty V đã nhận đủ hàng, đảm bảo về chất lượng, hai bên không có vướng mắc gì.

Cục Điều tra chống buôn lậu – T có quan điểm:

Quy định của pháp luật về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm:

Căn cứ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự và Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC: Tố giác về tội phạm, Tin báo về tội phạm, Kiến nghị khởi tố... đều quy định đối với các “hành vi có dấu hiệu tội phạm”. Theo quy định của Bộ luật hình sự thì “dấu hiệu tội phạm” được quy định bởi 04 yếu tố, đó là: i) tính nguy hiểm cho xã hội, ii) tính có lỗi, iii) tính trái pháp luật hình sự, iv) và tính đáng phải xử lý bằng hình phạt (hình sự). Khi tiếp nhận thông tin, Cục Điều tra chống buôn lậu phải xem xét trước tiên về “dấu hiệu tội phạm hình sự” để xác định hành vi đó có “không phải là tội phạm” hay không nhằm đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể, Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện đánh giá, phân loại thông tin đó, nếu có dấu hiệu tội phạm theo 04 yếu tố nêu trên thì sẽ giải quyết, xử lý theo trình tự, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và Thông tư 01; với các trường hợp khác sẽ được xác minh, giải quyết theo các hình thức, quy định khác (như giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc tiến hành các biện pháp nghiệp vụ hải quan...).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Tố cáo 2018: “*Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo*”.

+ Ngày 02/4/2021, Công ty V (Công ty V), MST: 2902091048 đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu số 303885543201, loại hình B11 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 (Chi cục Hải quan C2) - Cục H, mặt hàng theo khai báo: “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước < 5mm, thu được từ quá trình đập, nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($\text{CaCO}_3 < 85\%$, $7\% < \text{MgCO}_3 < 31,5\%$)”; số lượng: 50.000 tấn (+/- 10%); mã số hàng hoá: 2517.49.00.30; thuế suất xuất khẩu: 15%; Tổng giá trị hóa đơn: 400.000 USD.

+ Sau khi tiếp nhận, tờ khai được hệ thống phân luồng đỏ, Chi cục Hải quan C2 đã thực hiện kiểm tra thực tế hồ sơ, đến ngày 09/4/2021, đã kiểm tra thực tế hàng hóa và phối hợp với Chi cục Kiểm định hải quan C2 (Chi cục Kiểm định 5) thuộc Cục Kiểm định Hải quan và đại diện chủ hàng thực hiện lấy mẫu hàng hóa tại 04/27 (tỷ lệ 15%) sà lan vận chuyển hàng đang neo đậu tại vùng neo H để thực hiện phân tích, xác định tên hàng, mã số hàng hoá.

+ Kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá theo Thông báo số 64/TB-KĐ5 ngày 10/4/2021 của Chi cục Kiểm định 5: “Mẫu yêu cầu phân tích là đá có thành phần canxi cacbonat (CaCO_3) 70,39% và magie cacbonat (MgCO_3) 25,68% tính theo khối lượng, kích thước từ $\leq 5\text{mm}$, có nguồn gốc từ đá vôi (theo khai báo hải quan và tài liệu doanh nghiệp cung cấp)”; “Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK:

2517.49.00.30”. Căn cứ kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá nêu trên thấy phù hợp với khai báo và việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, ngày 12/4/2021, Chi cục Hải quan C2 đã giải quyết cho tờ khai được giải phóng hàng.

+ Ngày 12/4/2021, T nhận được qua đường bưu điện 01 Đơn tố giác đề tên Vũ Thị O, Nguyễn Thị N1 và 01 Đơn tố giác đề tên Lê Văn M1 (gửi ông Lưu Mạnh T5 - Phó Tổng cục trưởng T) với nội dung tố giác hành vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan của Công ty V cụ thể là hàng hoá xuất khẩu không đúng theo khai báo, không đảm bảo điều kiện xuất khẩu do không có nguồn gốc hợp pháp (theo Luật Khoáng sản), vi phạm chính sách mặt hàng ...

Qua xem xét nội dung 02 đơn tố giác, Cục Điều tra chống buôn lậu thấy:

+ Trong đơn chỉ đề tên người tố giác, không có thông tin về địa chỉ, cách thức liên hệ với người tố giác.

+ Nội dung đơn tố giác chỉ nêu thông tin chung chung về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan; không nêu thông tin có liên quan đến dấu hiệu tội phạm cụ thể nào được quy định tại Bộ luật hình sự nên chưa đủ cơ sở để xác định là tố giác, tin báo về tội phạm.

+ Không cung cấp kèm theo các tài liệu, chứng cứ cụ thể, xác thực về tính chất, mức độ vi phạm và các nội dung khác có liên quan.

Với nội dung Đơn tố giác nêu trên, Cục Điều tra chống buôn lậu đánh giá chưa đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; đồng thời cũng không đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Tố cáo 2018.

- Về trình tự, thủ tục xác minh làm rõ vi phạm của Công ty V:

Do lô hàng thuộc tờ khai số 303885543201 ngày 02/4/2021 của Công ty V đang trong quá trình làm thủ tục hải quan, chưa được thông quan, mới được giải phóng hàng. Sau khi có thông tin tố giác vi phạm, để xác định Doanh nghiệp có vi phạm hay không? Cơ quan Hải quan đã căn cứ các quy định về kiểm tra, giám sát, kiểm soát tại Luật Hải quan để kiểm tra, xác minh làm rõ, cụ thể:

Căn cứ khoản 2 Điều 7; khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 33; Điều 38 Luật Hải quan, cơ quan hải quan Lấy mẫu kiểm tra thực tế 100% lô hàng để gửi giám định, phân loại, áp mã hàng hóa làm cơ sở xác định hàng hóa có đúng như doanh nghiệp khai hải quan hay không? chính sách quản lý hàng hóa? thực hiện giám sát hàng hóa chưa được thông quan trong địa bàn hoạt động hải quan để phục vụ công tác xác minh và xử lý.

Căn cứ Điều 89 Luật Hải quan áp dụng biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan để xác minh tính hợp pháp của hàng hoá xuất nhập khẩu đang trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, thông quan hàng hoá, xác minh; Yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp hồ sơ để làm rõ vi phạm (hình sự hay hành chính). Do vụ việc phức tạp, cơ quan hải quan đã phải tiến hành nhiều biện pháp xác minh, thu thập tài liệu về nguồn gốc khoáng sản và toàn bộ quá trình mua bán, vận chuyển, bốc xếp hàng hoá... tổng hợp và trao đổi với cơ quan tiến hành

tổ tụng để xem xét, đánh giá về dấu hiệu tội phạm. Sau khi loại trừ yếu tố tội phạm, cơ quan hải quan cần xác định các nội dung khác có liên quan đến hành vi vi phạm để có đủ cơ sở lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Vụ việc đang được giải quyết theo quy định của pháp luật Hải quan nên việc Công ty V cho rằng “Việc giải quyết Đơn thư tố giác của Cục Điều tra chống buôn lậu trái với trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật” là không đúng, không có căn cứ

- Về nguồn gốc của lô hàng đá D4 mà Công ty V khai báo là đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi:

Công ty V cho rằng: *Việc tịch thu lô hàng của Công ty V với lý do hàng hóa có nguồn gốc không hợp pháp là hoàn toàn không chính xác. Cục Điều tra chống buôn lậu có ý kiến như sau:*

Công ty V khai báo tại tờ khai hải quan số 303885543201 thì hàng hóa xuất khẩu là Đ xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi và Công ty V đã xuất trình bộ hồ sơ nguồn gốc của lô hàng gồm hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường do Ủy ban nhân dân tỉnh H cấp cho Công ty N3 (bên bán hàng cho Công ty V). Toàn bộ chứng từ nói trên đều thể hiện hàng hóa là đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi.

Tuy nhiên, căn cứ kết quả giám định, kết quả phân tích phân loại thì hàng hóa không phải là đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi như Công ty V đã khai báo hải quan mà thực tế hàng hóa là đá Dolomit.

Theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2019/TT-BXD ngày 10/10/2019) của Bộ X về hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng và Điều 14 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ thì khoáng sản xuất khẩu phải có nguồn gốc hợp pháp. Trong suốt quá trình điều tra, xác minh, thu thập hồ sơ và cho đến tận thời điểm xử phạt, Công ty V chỉ cung cấp được bộ hồ sơ chứng từ nguồn gốc của lô hàng đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi mà không xuất trình được bộ hồ sơ nguồn gốc hợp pháp của đá D8 (Hợp đồng mua bán, hóa đơn, Giấy phép khai thác khoáng sản là đá Dolomit). Do vậy việc cơ quan hải quan xác định toàn bộ lô hàng đá Dolomit của Công ty V không có nguồn gốc hợp pháp là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Cục Giám sát quản lý về Hải quan – Tổng cục Hải quan có quan điểm:

Sau khi Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 thông báo tạm dừng hàng hóa của Công ty V qua khu vực giám sát hải quan, Cục Hải quan tỉnh Q có công văn số 1857/HQQN-GSQL ngày 12/6/2022 báo cáo đề nghị thay đổi phương án dỡ, lưu giữ và thực hiện giám sát hàng hóa chờ kết quả điều tra, xác minh của Cục Điều tra chống buôn lậu đối với lô hàng.

Trên cơ sở báo cáo và đề nghị của Cục Hải quan tỉnh Q tại công văn số 1857/HQQN-GSQL, Cục Giám sát quản lý về hải quan thấy rằng: Do đặc thù

cảng biển C, khu vực cảng nổi là vùng nước rộng lớn không có cầu cảng, việc lưu giữ số lượng lớn hàng hóa trên các xà lan trên biển tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn hàng hải, đặc biệt là mùa mưa bão, việc giám sát hàng hóa của lực lượng hải quan gặp nhiều khó khăn. Công ty V đã bố trí thuê địa điểm lưu giữ hàng hóa tại cảng C thuộc địa bàn hoạt động hải quan. Vì vậy, để đảm bảo công tác quản lý, giám sát đối với hàng hóa đang chịu sự giám sát của cơ quan hải quan, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, Cục Giám sát quản lý về hải quan đã tham mưu trình T có công văn số 2976/TCHQ-GSQL ngày 17/6/2021 trả lời Cục Hải quan tỉnh Q. Theo đó, T thống nhất về phương án dỡ, lưu giữ và giám sát hàng hóa để đảm bảo công tác giám sát hải quan đối với lô hàng. Các nội dung hướng dẫn, chỉ đạo Cục Hải quan địa phương đều theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế đặc thù tại địa phương, đồng thời cũng tạo thuận lợi cho việc quản lý hàng hóa của doanh nghiệp.

Cục T có quan điểm:

Theo Công văn số 4205 thì lô hàng này doanh nghiệp khai báo là “đá xây dựng “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước <5mm, thu được từ quá trình đập nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($\text{CaCO}_3 < 85\%$, $7\% < \text{MgCO}_3 < 31,5\%$), (mã số 2517.49.00.30). Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy mẫu hàng là “Dolomit, thành phần khoáng vật dolomit-C, $\text{M}(\text{CO}_3)_2$ (76-78)%, canxit- CaCO_3 (14-16)%, thành phần CaCO_3 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%) và MgCO_3 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung hoặc thiêu kết.” (mã số 2518.10.00), số lượng khoảng 51.500 tấn.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 thì: “*Trị giá hải quan là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F), được xác định bằng cách áp dụng tuần tự các phương pháp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này và dừng ngay tại phương pháp xác định được trị giá hải quan*”.

Tại thời điểm xác định giá do không đủ căn cứ, cơ sở để xác định trị giá hải quan theo phương pháp xác định giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, phương pháp giá bán của hàng hóa giống hết hoặc tương tự tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan, phương pháp giá bán của hàng hóa giống hết hoặc tương tự tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019. Vì vậy phải sử dụng phương pháp giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan Hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại được quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 để xác định trị giá hải quan của lô hàng này.

Căn cứ quy định của pháp luật và thông tin tại thời điểm xác định trị giá hải quan của lô hàng “Dolomit, thành phần khoáng vật dolomit-C, $\text{M}(\text{CO}_3)_2$ (76-78)%, canxit- CaCO_3 (14-16)%, thành phần CaCO_3 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%)

và $MgCO_3$ 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung hoặc thiêu kết.” Theo đề nghị tại công văn số 4205 là 90USD/tấn như nội dung công văn số 7020/TXNK-TGHQ ngày 08/9/2021 mà Cục T gửi Cục Điều tra chống buôn lậu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Hải quan thì “1. Trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu”.

Việc xác định trị giá hải quan và tính thuế tại công văn số 7020/TXNK-TGHQ nêu trên của Cục T là đúng quy định của pháp luật.

Cục Kiểm định hải quan – T có quan điểm:

Về nguyên nhân có sự khác nhau giữa kết quả phân tích của Chi cục Kiểm định hải quan C2 giữa 2 lần lấy mẫu:

Lần thứ nhất: Tại thời điểm doanh nghiệp mở tờ khai hải quan, theo phân luồng của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo tỷ lệ %, cơ quan hải quan kiểm tra 15% lô hàng và lấy mẫu gửi phân tích tại 04/27 sà lan. Chi cục Kiểm định hải quan 5 nhận được mẫu yêu cầu phân tích do Chi cục Hải quan cảng C2 yêu cầu.

Lần thứ hai: Sau khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của doanh nghiệp, cơ quan hải quan quyết định thay đổi tỉ lệ kiểm tra sang kiểm tra 100% hàng hóa và lấy mẫu hàng từ toàn bộ lô hàng. Lúc đầu Chi cục Kiểm định hải quan 5 chỉ lưu mẫu. Sau đó Chi cục Kiểm định hải quan C2 thực hiện tách thành 3 mẫu (có sự chứng kiến của các bên liên quan) để lưu, phân tích và gửi giám định theo chỉ đạo tại công văn số 1973/TCHQ-ĐTCBL ngày 17/4/2021.

Các mẫu của lần thứ 1 và lần thứ 2 được Chi cục Kiểm định hải quan 5 đều thực hiện phân tích hàm lượng $CaCO_3$ và $MgCO_3$ theo cùng 1 phương pháp (thực hiện theo TCVN 9191: 2012).

Kết quả phân tích mẫu lần 1 tại Chi cục Kiểm định hải quan 5: Hàm lượng canxi cacbonat ($CaCO_3$) 70,39% và M2 ($MgCO_3$) 25,68%.

Kết quả phân tích mẫu lấy lần 2 tại Chi cục Kiểm định hải quan 5 gần tương tự với kết quả gửi giám định tại Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất: Hàm lượng canxi cacbonat $CaCO_3$ và magie cacbonat $MgCO_3$ gần tương tự nhau và có bản chất là dolomit, mã số hàng hóa 2518.10.00. Kết quả phân tích tại Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm số 01/KV5-2021 ngày 28/4/2021 và 44/KKL/2021 ngày 29/4/2021 của Trung tâm phân tích thí nghiệm địa chất có thành phần khoáng: canxit (14-16%), dolomit (76-78%); thành phần hóa: $CaCO_3$: 59,51% và $MgCO_3$: 39,09%.

Nguyên nhân có sự khác nhau kết quả phân tích tại Chi cục Kiểm định hải quan 5 giữa mẫu lần 1 và mẫu lần 2 là do lần 1 hàng hóa được kiểm tra với tỉ lệ 15% và lấy mẫu, lần 2 hàng hóa được kiểm tra với tỉ lệ 100% và lấy mẫu. Kết quả phân tích của Chi cục Kiểm định hải quan C2 chỉ có giá trị trên mẫu gửi yêu cầu phân tích.

Kết quả vilas 003 có hàm lượng $MgCO_3 = 40,2\%$ và vilas 032 có hàm lượng $MgCO_3$ (39,9%, hàm lượng quy đổi MgO là 18,61%) có sự chênh lệch nhỏ, không làm thay đổi bản chất hàng hóa đều từ đá dolomit, mã số phân loại 2518.10.00. doanh nghiệp cho rằng hàm lượng quy đổi Mg là 17,61% nhưng bản chất hàng hóa không thay đổi vẫn thuộc loại đá dolomit, mã số phân loại 2518.10.00 sai khác với khai báo của Công ty V là đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi (hàm lượng $CaCO_3 < 85\%$, $7\% < MgCO_3 < 31,5\%$), mã số khai báo 2517.49.00.30.

Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 có quan điểm:

Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 khẳng định không thực hiện tạm giữ cũng như gây cản chõ việc xuất cảnh phương tiện đối với tàu COS ORCHID neo đậu tại khu vực H, C. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện này của Công ty V là không đúng và không có căn cứ. Cụ thể:

1. Tờ khai số 303885543201/B11 của Công ty V được Chi cục tiếp nhận, làm thủ tục hải quan theo các quy định tại Điều 32, 33, 36 Luật Hải quan năm 2014; Điều 26, 27, 29, 30, 32 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018); Điều 16, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 31, 33 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 23/5/2015 của Bộ T11 (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018); Điều 3, 9, 10, 11 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T11; Điều 4, Mục V Phụ lục I Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 của Bộ X (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2019/TT-BXD ngày 10/10/2019). Cụ thể như sau:

- Vào hồi 14h20 ngày 02/4/2021, Công ty V đăng ký tờ khai xuất khẩu số 303885543200/B11. Tên hàng khai báo: “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước $< 5mm$, thu được từ quá trình đập, nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($CaCO_3 < 85\%$, $7\% < MgCO_3 < 31.5\%$), dung sai số lượng $\pm 10\%$ ”; Mã số hàng hóa: 2517490030; Số lượng: 50.000 tấn; Trị giá: 400.000USD tương đương 9.204.000.000VNĐ; Thuế suất: 15%; Số tiền thuế phải nộp: 1.380.600.000VNĐ (ngày 07/4/2021, Công ty V đã tiến hành nộp thuế cho tờ khai nêu trên, số tiền thuế: 1.380.600.000VNĐ). Tờ khai được Hệ thống phân luồng đỏ, phương pháp xử lý sau cùng “P”.

- Vào hồi 14h28 cùng ngày, tờ khai được tờ khai được Đ/c Đào Bá D5 - Phó Đội trưởng Đội Nghiệp vụ hải quan phân công công chức Phạm Thị Quỳnh T6 tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ.

- Cùng thời điểm 14h28, Công ty V đã đính kèm đầy đủ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan trên Hệ thống, công chức được phân công kiểm tra chi tiết hồ sơ thực hiện kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018), Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 của Bộ X (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2019/TT-BXD ngày 10/10/2019). Nội dung kiểm tra như sau:

+ Về hồ sơ hải quan: Tại Điều 4 Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày

29/6/2018 của Bộ X quy định: “*Hồ sơ xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về Hải quan và pháp luật về quản lý Ngoại thương*”. Do vậy, hồ sơ hải quan được kiểm tra theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) gồm:

(1) - Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018.

(2) - Hóa đơn tạm tính: 01 bản chụp (*doanh nghiệp đã đính lên Hệ thống*).

+ Về hồ sơ nguồn gốc: Hàng hóa theo khai báo là “*Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước < 5mm, thu được từ quá trình đập, nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($CaCO_3 < 85\%$, $7\% < MgCO_3 < 31.5\%$)*”. Căn cứ hướng dẫn tại công văn số 6827/TCHQ-GSQL ngày 21/11/2018 của T về việc xuất khẩu khoáng sản làm VLXD theo Thông tư số 05/2018/TT-BXD “*Người khai hải quan tự khai báo và chịu trách nhiệm về nguồn gốc khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản. Cơ quan hải quan không yêu cầu người khai hải quan phải nộp/xuất trình chứng từ chứng minh nguồn gốc khoáng sản*”. Do vậy, công chức hồ sơ không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp chứng từ chứng minh nguồn gốc hàng hoá.

- Sau khi kiểm tra hồ sơ đầy đủ, đồng bộ, không phát hiện và không nhận được thông tin nghi vấn. Vào 16h10 ngày 02/4/2021, công chức được phân công kiểm tra chi tiết hồ sơ cập nhật kết quả kiểm tra lên Hệ thống: (1)- Ý kiến công chức xử lý: 5: Đề xuất khác; (2)- Kết quả và ý kiến đề xuất của công chức xử lý: “*HỒ SƠ ĐẦY ĐỦ ĐỒNG BỘ. LÔ HÀNG LUỒNG ĐỎ, MÃ PHÂN LOẠI: 3, PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ: P. ĐỀ XUẤT LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT HÌNH THỨC, MỨC ĐỘ KIỂM TRA.*”.

- Căn cứ phương pháp xử lý sau cùng: “P”; Chỉ dẫn rủi ro của Hệ thống và đề xuất của công chức kiểm tra hồ sơ. Vào hồi 16h31 ngày 02/4/2021, Đ/c Nguyễn Thị Kim L - Phó Chi cục trưởng cập nhật kết quả phê duyệt lên Hệ thống: (1)- Chỉ thị lãnh đạo: 2: Phê duyệt; (2)- Ý kiến của Lãnh đạo: “*DUYỆT KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HÓA, TỶ LỆ 15% LÔ HÀNG.*”.

- Đến 16h33 cùng ngày, Đ/c Đào Bá D5 - Phó Đội trưởng Đội Nghiệp vụ hải quan cập nhật phân công kiểm tra thực tế hàng hóa lên Hệ thống: (1)- Tên người phụ trách kiểm hóa: Phạm Hùng C1; (2)- Ý kiến của Lãnh đạo: “*PHỐI HỢP KIỂM HOÁ: NGÔ XUÂN THỊNH. KIỂM TRA THỰC TẾ HÀNG HOÁ THEO CHỈ DẪN NGHIỆP VỤ VÀ Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA LÃNH ĐẠO CHI CỤC./.*”.

- Do lô hàng khai báo là “*Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi*” thuộc loại hàng hóa phức tạp, lượng hàng theo khai báo lớn (50.000 tấn) công chức hải quan thông thường chỉ có thể quan sát bằng mắt thường và kiểm tra thực tế hàng hóa bằng phương pháp thủ công để xác định hàng là Đ và kích thước hàng hóa. Để đảm bảo đủ các yếu tố để xác định tên hàng, mã số thì Mặt hàng cần phải xác định hàm lượng $CaCO_3$, $MgCO_3$ theo chỉ đạo của T tại công văn 8019/TCHQ-TXNK

ngày 22/12/2020 về việc phân loại mặt hàng Đá. Do vậy, cần lấy mẫu phân tích để xác định cụ thể tên hàng và mã số HS; việc lấy mẫu yêu cầu cần có kỹ thuật để đảm bảo mẫu có khả năng đại diện cho toàn lô hàng. Vận dụng điểm 2.1 khoản 2 Điều 16 Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/9/2017 của T về việc ban hành Quy chế Kiểm định, phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu “... Trong trường hợp lấy mẫu phức tạp, yêu cầu có kỹ thuật, Chi cục hải quan nơi quản lý địa điểm lưu giữ hàng hóa thông báo đến đơn vị kiểm định cử cán bộ kỹ thuật tham gia lấy mẫu”, cùng ngày 02/4/2021, Chi cục đã gửi công văn số 400/HQCP-NV về việc Phối hợp lấy mẫu hàng hóa XNK đề nghị Chi cục Kiểm định Hải quan 5 cử cán bộ phối hợp lấy mẫu phân tích hàng hóa. Công văn số 400/HQCP-NV được gửi qua đường công văn đến Chi cục Kiểm định Hải quan C2.

- Ngày 05/4/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan C2 đã gửi công văn số 67/KĐ5-NV về việc cử cán bộ phối hợp, phân công ông Nguyễn Văn H5 và Bùi Vũ H6 phối hợp với Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 lấy mẫu hàng hóa thuộc tờ khai nêu trên.

- Ngày 09/4/2021, công chức Phạm Hùng C1 và Ngô Xuân T7 đã tiến hành kiểm tra thực tế lô hàng. Việc kiểm tra tiến hành như sau:

+ Chiều ngày 09/4/2021, công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 bắt đầu xuất phát từ trụ sở Chi cục bằng xe ô tô cá nhân và đến bến V. Ông Nguyễn Văn H5, Bùi Vũ H6 - đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 5 tự di chuyển đến bến V.

+ Sau đó, công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 và ông Nguyễn Văn H5, Bùi Vũ H6 di chuyển bằng xuồng dịch vụ ra khu vực tập kết của lô hàng tại khu vực điểm neo HN2-11 thuộc khu N, cảng C.

+ Khi đến khu vực điểm neo HN2-11, tàu COS ORCHID đã neo đậu tại điểm neo này. Toàn bộ lô hàng đã được tập kết đầy đủ trên 27 sà lan đổ thành từng cụm 3-5 sà lan quanh tàu COS ORCHID. Công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 với sự chứng kiến của ông Bùi Mạnh N2 - đại diện Công ty V theo Giấy ủy quyền số 0604/2021/UQ-VH ngày 06/4/2021 đi vòng quanh khu vực các sà lan neo đậu để kiểm tra toàn bộ 27 sà lan. Qua quan sát bằng mắt thường các hàng trên toàn bộ 27 sà lan, xác định hàng trên các sà lan đồng bộ là Đá, dạng viên nhỏ, toàn bộ là hàng rời, không đóng bao, không có nhãn mác.

+ Căn cứ tỷ lệ kiểm hóa 15% đã được Lãnh đạo Chi cục phê duyệt, công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 với sự chứng kiến của ông Bùi Mạnh N2 - đại diện Công ty V đã lựa chọn kiểm tra xác suất, ngẫu nhiên 04/27 phương tiện (các sà lan mang số hiệu TB-3838, HD-5689, ND-3594, NB-6336, tổng trọng lượng hàng trên các sà lan khoảng 7.500 tấn) để tiến hành kiểm tra thực tế bằng phương pháp thủ công. Xác định hàng hoá trên các sà lan này là Đ có kích thước đồng nhất nhỏ hơn 5mm.

+ Qua kiểm tra bằng phương pháp thủ công chưa đủ cơ sở để xác định tên hàng và mã số HS, công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 tiếp tục phối hợp với ông Nguyễn Văn H5, Bùi Vũ H6 - đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 5 trực tiếp tiến hành lấy mẫu hàng hóa để phân tích xác định tên hàng và mã số HS. Việc lấy

mẫu được ghi nhận thông qua phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kèm biên bản lấy mẫu số 421/HQCP-NV ngày 09/4/2021. Việc lấy mẫu và hồ sơ yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T11 Hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/09/2017 của T Ban hành Quy chế kiểm định, phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Quyết định số 1921/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của T Ban hành Quy trình phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cụ thể như sau:

(1)- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 14/2015/TT-BTC: “...Mẫu được lấy từ chính lô hàng cần phân tích và mang tính đại diện...”. Để đảm bảo yếu tố khách quan, mẫu được lấy có thể đại diện cho toàn bộ lô hàng. Công chức kiểm hóa căn cứ Phương pháp lấy mẫu quy định tại điểm 1 Phần IV Phụ lục 1 Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ:

“- Trường hợp lô hàng đồng nhất thì chỉ cần lấy trong một đơn vị đóng gói tại các vị trí khác nhau (trên, dưới, giữa) rồi trộn đều thành một mẫu chung.

- Trường hợp lô hàng nghi ngờ không đồng nhất thì phải lấy trên các bao gói khác nhau, ở các vị trí khác nhau (trên, dưới, giữa và các góc), sau đó trộn đều thành một mẫu chung.”.

(2)- Đối chiếu với trường hợp lô hàng của Công ty V đang được tập kết trên 27 sà lan tại khu neo H để thực hiện lấy mẫu bằng phương pháp thủ công tại các điểm khác nhau trên bề mặt hàng hóa (điểm phía trước, điểm giữa, điểm phía sau, điểm bên trái, điểm bên phải) trong các hầm hàng của toàn bộ 04 sà lan nêu trên. Toàn bộ mẫu lấy được từ 04 sà lan sau đó được trộn đều với nhau và chia lại thành 04 phần bằng nhau. Việc thực hiện lấy mẫu do công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 (công chức kiểm hóa) và ông Nguyễn Văn H5, Bùi Vũ H6 (đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan C2) cùng nhau thực hiện. Trong quá trình lấy mẫu, có lúc có sự hỗ trợ của thuyền viên của các sà lan vận chuyển hàng hóa bằng cách cầm túi để công chức kiểm hóa hoặc đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 5 xúc mẫu vào túi. Việc lấy mẫu do công chức kiểm hóa và đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 5 cùng nhau thực hiện trên 04 sà lan. Sau khi lấy mẫu tại 04 sà lan, công chức kiểm hóa và đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 5 tiến hành trộn mẫu tại 01 sà lan (không nhớ rõ số hiệu cụ thể). Mẫu được cho vào trong 04 túi đựng mẫu, mỗi túi nặng khoảng 04kg - 06kg (có biên bản lấy mẫu); túi đựng mẫu là túi nhựa mới, màu trắng, trong suốt theo hướng dẫn tại Phụ lục I Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/09/2017 của T; sau đó các túi mẫu được niêm phong bằng Seal hải quan. Theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 10 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ T11, số lượng mẫu là 02 mẫu. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan trong trường hợp xảy ra khiếu nại về kết quả phân tích, Chi cục đã thực hiện lấy 04 mẫu, cụ thể:

+ Túi mẫu hàng niêm phong bằng Seal hải quan số hiệu Đ/18.0059080 và Đ/18.0059081: bàn giao cho Đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 5.

+ Túi mẫu hàng niêm phong bằng Seal hải quan số hiệu Đ/18.0059082: lưu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2.

+ Túi mẫu hàng niêm phong bằng Seal hải quan số hiệu Đ/18.0059083: bàn giao cho Đại diện Công ty V.

(3)- Sau khi hoàn thành việc niêm phong các túi mẫu, công chức Phạm Hùng C1, Ngô Xuân T7 đã bàn giao 02 túi mẫu được niêm phong bằng Seal hải quan số hiệu Đ/18.0059080 và Đ/18.0059081 cho ông Nguyễn Văn H5 – Đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan C2 trực tiếp nhận mẫu; bàn giao 01 túi mẫu được niêm phong bằng Seal hải quan số hiệu Đ/18.0059083 cho ông Bùi Mạnh N2 - đại diện Công ty V. Việc bàn giao mẫu được thực hiện sau thời điểm kết thúc kiểm tra thực tế và lấy mẫu. 01 túi mẫu còn lại được niêm phong bằng Seal hải quan số hiệu Đ/18.0059082 lưu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2.

- Sau khi kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu tại hiện trường, vào 18h05 ngày 09/4/2021, công chức được phân công kiểm tra thực tế hàng hóa cập nhật kết quả kiểm tra lên Hệ thống, Kết quả và ý kiến đề xuất của công chức xử lý: *“TỪ 15H50-17H15, NGÀY 9/4/21 TẠI KHU NEO HN2-11 CK CẢNG CẨM PHẢ, QN (TÀU COS ORCHID); KTRA THỰC TẾ 15% LÔ HÀNG=PP THỦ CÔNG, QUAN SÁT BỀ MẶT HH XĐ HÀNG LÀ ĐÁ; DẠNG VIÊN; ĐÃ ĐC ĐẬP, NGHIÊN, SÀNG; CỠ VIÊN $\leq 05MM$; HÀNG RÒI, K ĐÓNG BAO, K NHẤN MÁC; CĂN CỨ KHAI BÁO CỦA NGƯỜI KHA I% HS HQ XĐ XX HH: VN; QUA KTRA=PP THỦ CÔNG CHƯA ĐỦ CS XĐ TÊN HÀNG&MÃ HS. ĐÃ PH VỚI CC KĐHQ5 LẤY MẪU P.TÍCH XĐ TÊN HÀNG&MÃ HS”.*

- Ngày 11/4/2021, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 nhận được Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa số 64/TB-KĐ5 ngày 10/4/2021 của Chi cục Kiểm định Hải quan 5 qua zalo do ông Nguyễn Văn H5 gửi cho công chức Phạm Hùng C1. Bản gốc được nhận qua đường công văn ngày 16/4/2021. Việc gửi và nhận công văn qua phần mềm Zalo được thực hiện căn cứ theo khoản 1 Điều 4 Quy chế phối hợp giữa Cục Hải quan tỉnh Q và Cục Kiểm định Hải quan trong công tác phân tích, kiểm định hàng hóa xuất nhập khẩu số 976/QCPH-HQQN-KĐHQ ngày 13/4/2018 quy định *“Trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện thông tin liên lạc khác”*. Kết quả phân tích như sau: *“Mẫu yêu cầu phân tích là đá có thành phần canxi cacbonat ($CaCO_3$) 70,39% và magie cacbonat ($MgCO_3$) 25,68% tính theo khối lượng, kích thước $\leq 5mm$, có nguồn gốc từ đá vôi (theo khai báo hải quan và tài liệu doanh nghiệp cung cấp); mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 2517.49.00.30”.*

- Căn cứ Thông báo nêu trên, vào 23h50 ngày 11/4/2021 công chức được phân công kiểm tra thực tế hàng hóa tiếp tục cập nhật kết quả kiểm tra lên Hệ thống: (1)- Ý kiến công chức xử lý: 2: Đề xuất giải phóng hàng; (2)- Kết quả và ý kiến đề xuất của công chức xử lý: *“CĂN CỨ TB VỀ KQPT KÈM MSHH SỐ 64/TB-KD5 NGÀY 10/4/2021 CỦA CHI CỤC KĐHQ 5, HH MÃ SỐ 2517490030, PHÙ HỢP KHAI BÁO NGƯỜI KHA HQ; ĐỀ XUẤT: GPH CHỜ CHỨNG THU GĐKL ĐỂ TQ”.*

- Vào 09h46 ngày 12/4/2021, Đ/c Nguyễn Thị Kim L - Phó Chi cục trưởng

cập nhật kết quả phê duyệt lên Hệ thống: (1)- Chi thị lãnh đạo: 2: Phê duyệt; (2)- Ý kiến của Lãnh đạo: “**ĐỒNG Ý ĐỀ XUẤT**”.

- Vào 10h49 ngày 12/4/2021, Đ/c Đào Bá D5 - Phó Đội trưởng Đội Nghiệp vụ hải quan thực hiện Giải phóng hàng trên Hệ thống và cập nhật ghi nhận: “**GIẢI PHÓNG HÀNG CHỜ KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH KHỐI LƯỢNG./.**”.

- Đến 16h30 ngày 12/4/2021, đại diện Đại diện Hải đội Kiểm soát trên biên khu vực miền B thuộc Cục Điều tra Chống buôn lậu - T đến làm việc với Chi cục theo Giấy giới thiệu số 02/GGT-HĐ1 ngày 12/4/2021 với nội dung: “*Thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến tờ khai số 303885543201 của Công ty V mở tại Chi cục HQCK cảng C2 ngày 02/4/2021; Thu thập thông tin, tài liệu về kết quả giám định và phương pháp lấy mẫu*”. Sau đó, Cục Điều tra Chống buôn lậu - T tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh cũng như thu thập thông tin liên quan đến lô hàng theo bút phê chỉ đạo của Lãnh đạo T.

Đến ngày 27/4/2021, T có công văn số 1974/TCHQ-ĐTCBL. Trong đó, thông báo có thông tin nghi vấn lô hàng có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về hải quan. Thực hiện công văn này, ngày 28/4/2021 Chi cục đã thực hiện thủ tục dừng đưa hàng qua khu vực giám sát hải quan theo quy định tại Điều 52d Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

2. Sau khi Công ty V và Công ty TNHH Đ1 có văn bản đề nghị xem xét giải quyết dỡ hàng xuống khỏi tàu biển COS ORCHID. T có công văn số 2044/TCHQ-ĐTCBL ngày 04/5/2021 và Cục H tinh có công văn số 1352/HQQN-GSQL ngày 06/5/2021 về việc giải quyết đề nghị dỡ hàng, giải phóng tàu.

Ngay trong ngày 06/5/2021, Chi cục đã mời đại diện của Công ty V đến làm việc để thống nhất phương án dỡ hàng, giải phóng tàu (*có Biên bản kèm theo*). Tại biên bản làm việc giữa Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 và ông Bùi Mạnh N2 đại diện Công ty V ngày 06/5/2021 ghi nhận: “*Ông Bùi Mạnh N2 - đại diện Công ty V đề xuất phương án dỡ hàng, lưu giữ hàng như sau*”

Công ty V xin được dỡ toàn bộ lô hàng (khoảng 50.000 tấn hàng theo tờ khai số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 đăng ký tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2) xuống sà lan để giải phóng phương tiện nước ngoài (tàu COS ORCHID). Công ty đang tiến hành liên hệ để thuê sà lan (dự kiến khoảng trên 20 sà lan).

Việc dỡ hàng sử dụng cần cẩu của tàu (COS ORCHID có 04 cần cẩu lắp đặt trên tàu).

Thời gian dỡ hàng: Công ty V sẽ cố gắng dỡ hàng trong thời gian nhanh nhất, tuy nhiên thời điểm bắt đầu dỡ hàng phải đợi ý kiến của cơ quan hải quan và tùy thuộc vào các điều kiện thời tiết, an toàn hàng hải.”

Sau đó, ngày 11/5/2021 Công ty V có văn bản số 1105/2021/CV-VH trình bày một số vướng mắc trong việc thực hiện phương án dỡ hàng:

“+ *Do không biết chính xác được thời gian các sà lan dỡ hàng sẽ phải neo*

đậu tại khu neo đậu theo chỉ định của cơ quan Hải quan nên Công ty chưa tìm được đối tác vận tải đồng ý ký hợp đồng thuê sà lan. Vì vậy, Công ty chưa thể có được danh sách sà lan dự kiến bốc hàng xong.

+ Trong thời gian sà lan lưu trữ hàng trên biển gặp thời tiết không thuận lợi sẽ ảnh hưởng đến an toàn cho hàng hóa và con người.”

Trên cơ sở nội dung làm việc ngày 06/5/2021 và văn bản của Công ty V ngày 11/5/2021. Ngày 12/5/2021 Chi cục đã có công văn số 619/HQCP-NV báo cáo Cục Hải quan tỉnh, ngày 13/5/2021, Cục Hải quan tỉnh đã có công văn số 1456/HQQN-GSQL báo cáo T về việc giải quyết đề nghị dỡ hàng, giải phóng tàu.

Tuy nhiên, đến ngày 08/6/2021, Công ty V lại có văn bản số 0806/2021/CV-VH đề nghị không sử dụng phương án như đã thống nhất trước đây và đề xuất phương án dỡ hàng, giải phóng tàu khác. Chi cục đã có các công văn số 800/HQCP-NV ngày 10/6/2021; 811/HQCP-NV ngày 11/6/2021 báo cáo Cục Hải quan tỉnh. Ngày 12/6/2021, Cục H tỉnh đã có công văn số 1857/HQQN-GSQL báo cáo Tổng cục Hải quan về phương án dỡ, lưu giữ hàng hóa của Công ty V.

Ngay sau khi nhận được chỉ đạo thống nhất, thực hiện phương án dỡ hàng, giải phóng tàu của T tại công văn số 2976/TCHQ-GSQL ngày 17/6/2021 và Cục H tỉnh tại công văn số 1950/TCHQ-GSQL ngày 18/6/2021. Từ ngày 19/6/2021 đến 22/6/2021 đã thực hiện giám sát việc dỡ hàng khỏi tàu COS ORCHID. Tàu COS ORCHID sau khi dỡ hàng xong đã làm thủ tục xuất cảnh cho tàu ngay trong ngày 22/6/2021.

Từ các dẫn chiếu tiến trình thực hiện thủ tục hải quan nêu trên cho thấy: Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã rất khẩn trương, kịp thời trong quá trình làm việc và hỗ trợ Công ty trong việc dỡ hàng để giải phóng phương tiện cũng như báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền để thống nhất phương án dỡ hàng khỏi tàu COS ORCHID; làm thủ tục xuất cảnh phương tiện ngay sau khi hàng dỡ xong. *Như vậy, nguyên nhân dẫn đến việc xuất cảnh của tàu COS ORCHID bị chậm trễ là do Công ty V không chủ động phương án dỡ hàng khỏi tàu COS ORCHID từ khi biết được lô hàng có dấu hiệu vi phạm pháp luật (ngày 15/4/2021) và thay đổi phương án dỡ hàng trong quá trình thực hiện.*

Việc lấy mẫu được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T11 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018). Theo đó, kỹ thuật lấy mẫu được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 31/01/2015 của Bộ T11 và Phụ lục I Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/7/2017 của T. Toàn bộ quá trình lấy mẫu cũng như lập Biên bản lấy mẫu ngày 09/4/2021 và 12/4/2022 đều có sự tham gia, chứng kiến toàn bộ quá trình của đại diện Công ty, thống nhất nội dung và ký xác nhận.

Về nguyên nhân có sự sai khác về kết quả của Chi cục Kiểm định hải quan 5 giữa 2 lần lấy mẫu là do lần thứ nhất mẫu hàng được lấy đại diện từ 04/27 sà lan theo tỷ lệ kiểm hoá 15% lô hàng, lần thứ 2 mẫu hàng được lấy trên toàn bộ 05 hầm hàng của tàu COS ORCHID nên mang tính đại diện hơn so với lần 1.

Do vậy, không có cơ sở, tài liệu cũng như căn cứ chứng minh việc lấy mẫu đối với lô hàng thiếu khách quan và chính xác, sai quy trình theo Quyết định số 2999/QĐ-TCHQ ngày 06/9/2017 của T về việc ban hành Quy chế kiểm định, phân tích hàng hoá xuất nhập khẩu. Yêu cầu khởi kiện này của Công ty V là không đúng và không có cơ sở.

Về ý kiến của Công ty V cho rằng Quyết định số 542/QĐ-XPVP của Cục Hải quan tỉnh Q xác định 02 hành vi vi phạm của Công ty V: “*Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*” và “*Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan*”, quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan là không đúng; (2) Thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ hàng hóa sai quy định:

1. Về việc xác định hành vi vi phạm của Công ty V:

- Hành vi “*Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*”:

Căn cứ công văn số 84/KĐ5-NV ngày 17/6/2021 của Chi cục Kiểm định Hải quan 5 thì lô hàng xuất khẩu của Công ty V có bản chất là dolomit, hàm lượng MgO 18,61%.

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 64 và khoản 1, khoản 2 Điều 82 Luật khoáng sản thì lô hàng xuất khẩu của Công ty V không phải khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và phải được khai thác từ các mỏ có Giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ T12. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra do Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện thì lô hàng của Công ty V không được khai thác từ các mỏ có Giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ T12. Như vậy, Công ty V đã có hành vi xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện (không được khai thác từ mỏ có Giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ T12) quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Hành vi “*Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan*”:

Trong quá trình mua bán, vận chuyển hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan cũng như toàn bộ quá trình làm việc với cơ quan hải quan, Công ty V không cung cấp được chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật về khoáng sản đối với lô hàng xuất khẩu (Giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ T12 theo Điều 82 Luật khoáng sản).

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 của Bộ X: “*Khoáng sản làm vật liệu xây dựng xuất khẩu có nguồn gốc hợp pháp theo quy định pháp luật về khoáng sản*”

Như vậy, Công ty V đã hành vi chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

của Chính phủ.

2. Về quy trình, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ hàng hóa:

- Căn cứ pháp lý: Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 42, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Về thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính: Thực hiện chỉ đạo của T tại Thông báo số 1338/TB-TCHQ ngày 18/4/2022 và công văn số 1325/HQQN-CBL ngày 20/4/2022 của Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử lý các vụ việc vi phạm xuất khẩu khoáng sản, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã tiếp nhận hồ sơ, tài liệu do Cục Điều tra chống buôn lậu bàn giao, căn cứ hồ sơ vụ việc để thực hiện lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty V.

- Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 không ban hành, thực hiện thủ tục tạm giữ đối với lô hàng kể từ ngày 12/4/2021 đến ngày 19/6/2022. Toàn bộ lô hàng đều do Công ty V lưu giữ và bảo quản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – T có quan điểm: Các nội dung trong đơn khởi kiện của Công ty V đã được Cục H và các đơn vị nghiệp vụ thuộc T giải trình cụ thể bằng văn bản cho Tòa án. Công ty V đã có hành vi vi phạm hành chính bị cơ quan Hải quan phát hiện và xử lý đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T9 là bà Phạm Phương C có quan điểm: Ngày 28/3/2021, Công ty TNHH T9 và Công ty V đã thống nhất ký kết hợp đồng số 01/VH-TĐSSC/HĐDV với thỏa thuận là Công ty T9 hoàn thành các thủ tục hải quan cho các lô hàng xuất khẩu của Công ty V tại cảng C, Quảng Ninh.

Ngày 02/4/2021 nhân viên Công ty V có gửi cho Công ty T9 các hồ sơ dưới dạng file PDF để chuẩn bị mở tờ khai qua phần mềm ứng dụng zalo gồm các tài liệu: Sale Contract số 0803/KS-VH/2021 ngày 08/3/2021 và Profoma Invoice số KS-210308 ngày 08/3/2021. Các tài liệu nói trên là cơ sở để Công ty T9 nhập máy, truyền dữ liệu tờ khai hải quan lên hệ thống hải quan và gắn các tệp đính kèm theo quy định lên hệ thống bằng phương thức kết nối máy tính cá nhân với máy tính cá nhân của Công ty V để thực hiện việc truyền tờ khai hải quan số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 với chữ ký số của Công ty V.

Ngày 09/4/2021, bà C cùng anh C1, anh T7 (cán bộ Hải quan chi cục cửa khẩu cảng C2) và 02 cán bộ Chi cục Kiểm định 5 đi ca nô ra vùng neo H để thực hiện việc lấy mẫu kiểm hóa. Việc lấy mẫu được thực hiện bởi cán bộ hải quan cùng với sự hỗ trợ của cán bộ Chi cục kiểm định 5 và dưới sự chứng kiến của đại diện Công ty V được đảm bảo đúng quy định, khách quan.

Ngày 12/4/2021, Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực Miền B – Cục Điều tra chống buôn lậu – T đề nghị kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu hàng. Bà C đã phối hợp cùng cơ quan hải quan để thực hiện việc lấy mẫu. Cùng đi có đại diện Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2, Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực miền B –

Cục Điều tra chống buôn lậu. Việc lấy mẫu được thực hiện bởi Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực miền B cùng với sự phối hợp của Chi cục kiểm định 5 dưới sự chứng kiến của Công ty V và Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2.

Tính đến nay (04/01/2023) Công ty T9 đã nhận được số tiền thanh toán phí dịch vụ từ Công ty V ngay khi tàu đến số tiền là 35.000.000đ, số tiền còn lại Công ty V vẫn chưa thanh toán cho Công ty T9 là 20.000.000đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V (XNK) về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH V (XNK).

- Buộc Cục Hải quan tỉnh Q bồi thường thiệt hại liên quan đến những sai phạm tại Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính, tổng số tiền là 88.500.000.000đ (T8 mươi tám tỉ năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2023, người khởi kiện là Công ty V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là Tổng cục H, Cục Hải quan tỉnh Q, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Giám sát quản lý về Hải quan, Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục Kiểm định, Chi cục Hải quan cửa khẩu C2 đều đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và xác định việc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và có nội dung phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 21/10/2022, Công ty V khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số

542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đồng thời xem xét tới Quyết định số 001037/QĐ-ĐC ngày 11/11/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc đình chính Quyết định số 542/QĐ-XPHC là phù hợp quy định tại Điều 6 Luật Tố tụng Hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty N3 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty TNHH T9 vắng mặt nhưng không có kháng cáo và được triệu tập hợp lệ 02 lần; xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của đương sự, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiếp tục tiến hành xét xử.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan đối với Công ty V:

[2.1.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Ngày 02/4/2021, Công ty V đăng ký tờ khai xuất khẩu số 303885543201/B11. Tên hàng khai báo: “Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, dạng viên, kích thước <5mm, thu được từ quá trình đập, nghiền, sàng, dùng làm vật liệu xây dựng ($CaCO_3 < 85\%$, $7\% < MgCO_3 < 31.5\%$), dung sai số lượng +/-10%”; Mã số hàng hóa: 2517490030; Số lượng: 50.000 tấn; Trị giá: 400.000USD tương đương 9.204.000.000VNĐ; Thuế suất: 15%; Số tiền thuế phải nộp: 1.380.600.000VNĐ. Việc nộp chứng từ, tài liệu và nộp tờ khai hải quan được thực hiện, tiếp nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của Cơ quan Hải quan.

Toàn bộ số hàng được vận chuyển bằng 27 sà lan từ cảng N (Hà Nam) đến vùng neo H (thuộc C) từ ngày 28/3/2021 đến ngày 07/4/2021.

Ngày 09/4/2021, tàu COS ORCHID đến cảng C (theo chỉ định của bên mua - Công ty K1). Tại đây, toàn bộ số hàng được bốc xếp lên tàu COS ORCHID từ 18h ngày 09/4/2021 đến khoảng 10h ngày 12/4/2021 thì hoàn thành việc bốc xếp hàng lên tàu.

Cùng ngày 09/4/2021, cán bộ Chi cục Hải quan cửa khẩu C2, cán bộ Chi cục Kiểm định C2 (thuộc T) và đại diện Công ty V ra nơi tập kết hàng (H) lấy mẫu kiểm định chất lượng để xác định tên hàng và mã số Hải quan.

Ngày 10/4/2021, Chi cục Hải quan C2 ban hành Thông báo số 64/TB-KD5 về việc thông báo kết quả phân tích kèm theo mã số hàng hóa khẳng định “Mẫu

yêu cầu phân tích là đá có thành phần canxi cacbonat (CaCO_3) 70,39% và magie cacbonat (MgCO_3) 25,68% tính theo khối lượng, kích thước từ $\leq 5\text{mm}$, có nguồn gốc từ đá vôi”. Hàng hóa xuất khẩu này có mã số phù hợp với khai báo và thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. Tờ khai xuất khẩu hàng theo tờ khai số 303885543201/B11 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã hoàn thành, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã cấp phép giải phóng hàng, chỉ còn chờ chứng thư giám định khối lượng tại cảng xếp để làm thủ tục xuất khẩu.

Ngày 12/4/2021, T nhận được đơn tố giác (đề tên Lê Văn M1 - không có địa chỉ liên hệ) và đơn tố giác (đề tên Vũ Thị O và Nguyễn Thị N1 - cũng không có địa chỉ liên hệ); Nội dung các đơn tố giác Công ty V có hành vi vi phạm trong lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa là đá xây dựng theo tờ khai số 303885543201/B11 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C2, nêu rõ mã số thuế, số tờ khai hải quan, chủng loại hàng theo khai báo, tên tàu chở hàng ORCHID

Đến 16h30 ngày 12/4/2021, đại diện Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực miền B thuộc Cục Điều tra Chống buôn lậu - T đến làm việc với Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 theo Giấy giới thiệu số 02/GGT-HĐ1 ngày 12/4/2021 với nội dung: “Thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến tờ khai số 303885543201 của Công ty V mở tại Chi cục HQCK cảng C2 ngày 02/4/2021; Thu thập thông tin, tài liệu về kết quả giám định và phương pháp lấy mẫu”.

Tại Biên bản lấy mẫu ngày 12/4/2021, thành phần gồm: Đại diện Cục điều tra Chống buôn lậu – TCHQ; Đại diện Chi cục Kiểm định 5; Đại diện Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 và đại diện Công ty V. Qua phân tích mẫu hàng hóa lấy ngày 12/4/2021, kết quả như sau: “Theo phiếu kết quả thử nghiệm số 1210/VLXD-TTKĐ ngày 13/4/2021 của V2 – Bộ X, kết quả phân tích như sau: Chỉ tiêu CaCO_3 : 58,98% và MgCO_3 : 40,20% (thử nghiệm theo TCVN 9191: 2012)”.

Ngày 13/4/2021, Đại diện Công ty V được Hải đội kiểm soát trên biển khu vực Miền B – Cục Điều tra chống buôn lậu yêu cầu đến làm việc để cung cấp thông tin và hồ sơ chứng minh nguồn gốc lô hàng.

Ngày 27/4/2021 T ban hành văn bản số 1974/TCHQ-ĐTCBL yêu cầu Cục H chỉ đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát.

Kết quả phân tích cho thấy mẫu hàng được thu thập ngày 12/4/2021 thể hiện là hỗn hợp bột và viên (kích thước nhỏ hơn $< 5\text{mm}$), có thành phần khoáng vật dolomit- $\text{C}, \text{M}(\text{CO}_3)_2$ (76-78)%, canxit- CaCO_3 (14-16)%, thành phần CaCO_3 59,51% (hàm lượng CaO 33,33%) và MgCO_3 39,09% (hàm lượng MgO 18,61%) tính theo khối lượng, chưa nung hoặc thiêu kết (mã số 2518.10.00) khác nhau về bản chất, mã số phân loại và hàm lượng MgCO_3 , không đúng như tờ khai của Công ty V.

Ngày 29/4/2021, Chi cục Kiểm định hải quan 5 có văn bản số 18/KĐ-TH xác định hàng hóa của Công ty V là Đá Dolomit. Tuy nhiên tại thời điểm này vẫn chưa đủ căn cứ để xác định đầy đủ, chính xác các vi phạm của Công ty V. Do đó Cục Điều tra chống buôn lậu – T vẫn phải tiếp tục tiến hành điều tra xác minh để

làm rõ hành vi vi phạm. Sau khi có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm của Công ty V không cấu thành tội Buôn lậu theo quy định của Bộ luật hình sự, nên T đã yêu cầu Cục Điều tra chống buôn lậu chuyên hồ sơ về cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 - Cục Hải quan tỉnh Q xử lý theo quy định.

Cục Điều tra Chống buôn lậu - T đã tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh cũng như thu thập thông tin liên quan đến lô hàng. Cục Điều tra chống buôn lậu mặc dù xác định được hành vi vi phạm của Công ty V nhưng không chứng minh được Công ty V cố ý khai báo sai tên hàng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu nên chưa đủ căn cứ kết luận có dấu hiệu “*Buôn lậu*” theo quy định của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, sau khi xác định được hành vi vi phạm của Công ty V, lẽ ra Cục Điều tra chống buôn lậu phải lập biên bản ghi nhận sự việc ngay hoặc yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 lập biên bản ghi nhận sự việc để làm căn cứ xử lý vụ việc theo đúng trình tự, thủ tục. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm hình sự thì Cục Điều tra chống buôn lậu phải thông báo cho Công ty V về việc chuyên hồ sơ để điều tra theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Cục Điều tra chống buôn lậu đã không thực hiện các bước nêu trên là chưa đảm bảo trình tự xử lý vụ việc.

Tại Thông báo số 1338/TB-TCHQ ngày 18/4/2022, T đã chỉ đạo Cục Điều tra chống buôn lậu giao lại hồ sơ cho Cục H để thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo điểm đ khoản 1 Điều 18 và khoản 6, khoản 7 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan.

Ngày 22/4/2022, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 tiếp nhận hồ sơ vụ việc từ Cục Điều tra chống buôn lậu – T.

Ngày 15/6/2022, Chi cục Hải quan C2 lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty V về hành vi “*Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*” và “*Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động của Hải quan*” theo điểm đ khoản 1 Điều 18 và điểm a khoản 2, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan.

Ngày 17/6/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan C2 ban hành văn bản số 84/KĐ5-NV về kết quả phân tích kèm theo mã số hàng hóa đối với lô hàng thuộc tờ khai hải quan số 303885543201/B11;

Ngày 17/6/2021, Chi cục Kiểm định Hải quan C2 ban hành văn bản số 85/KĐ5-NV về việc thu hồi Thông báo kết quả phân tích kèm theo mã số hàng hóa số hàng hóa số 64/TB-KĐ5 ngày 10/4/2021.

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, mặc dù toàn bộ lô hàng đã được Công ty V vận chuyển tập kết và bốc xếp lên tàu COS ORCHID tại Khu N thuộc địa bàn quản lý, giám sát hải quan của Chi cục Hải quan cửa khẩu C2. Tuy nhiên, do thấy rằng việc xử lý vi phạm của Công ty V vượt quá thẩm quyền nên Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C2 đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 20/6/2022, Cục trưởng Cục H đã ban hành Quyết định số 542/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với Công ty V.

Thấy rằng Quyết định số 542/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty V đã được ban hành đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

[2.1.2]. Về nội dung của quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Công ty V khai báo hàng hóa xuất khẩu là Đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi, có chứng từ mua bán của Công ty N3 nhưng thực tế hàng hóa lại là dolomit, hàm lượng MgO 18,61%, không phải là đá vôi xây dựng thông thường. Kết quả phân tích khoáng sản thực tế là đá dolomit có hàm lượng MgO > 18%, không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn của đá xây dựng có nguồn gốc từ đá vôi.

Căn cứ kết quả làm việc với Cục Điều tra chống buôn lậu, Công ty V cũng thừa nhận kết quả phân tích ngày 12/4/2021 là chính xác và phù hợp với thực tế hàng hóa xếp lên tàu COS ORCHID, nguyên nhân là do quá tin tưởng vào Công ty N3, thiếu kiểm tra, giám sát, chủ quan trong công tác điều hành, quản lý nên không kiểm tra lại chất lượng lô hàng trước khi làm thủ tục xuất khẩu, thừa nhận đã vi phạm chính sách mặt hàng, xin đóng phạt và tiếp tục được xuất khẩu lô hàng.

Như vậy, trong quá trình mua bán, vận chuyển hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan cũng như toàn bộ quá trình làm việc với Chi cục Hải quan cửa khẩu C2, Công ty V không cung cấp được chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của lô hàng theo quy định của pháp luật về khoáng sản đối với lô hàng xuất khẩu là dolomit. Công ty V chỉ xuất trình được hợp đồng mua bán đá xây dựng thông thường với Công ty N3, trong khi đó, Công ty N3 là cũng chỉ được cấp phép khai thác khoáng sản là đá xây dựng thông thường, không có giấy phép khai thác khoáng sản là dolomit. Công ty V đã có hành vi mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan quy định điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Nhưng do giá trị hàng hóa vi phạm lớn hơn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên hành vi vi phạm của Công ty V thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Do đó Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục H xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với Công ty V: Phạt tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) đối với hành vi “*Xuất khẩu hàng hóa không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 là có căn cứ.

- Về nội dung xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là toàn bộ số đá dolomit thuộc tờ khai số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho bãi của Công ty Cổ phần C3:

Căn cứ khoản 4 Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 4 Điều 29 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14

được Quốc hội thông qua ngày 13/11/2020 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022) và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 128/2020/NĐ-CP thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q có thẩm quyền tịch thu tang vật mà không quy định giới hạn về giá trị hàng hóa bị tịch thu. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q xử phạt bổ sung vi phạm hành chính đối với Công ty V dưới hình thức tịch thu tang vật vi phạm hành chính là toàn bộ số đá dolomit thuộc tờ khai số 303885543201/B11 ngày 02/4/2021 là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên Quyết định số 542/QĐ-XPHC không viện dẫn khoản 7 Điều 13 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 là thiếu sót.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty V về việc buộc Cục Hải quan tỉnh Q bồi thường thiệt hại liên quan đến những sai phạm tại Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q về việc xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 88.500.000.000đ, bao gồm khoản tiền thiệt hại liên quan đến việc giữ tàu COS ORCHID; chi phí thuê kho bãi tạm giữ hàng hóa, chi phí bốc xếp vận chuyển từ tàu tây về kho bãi cảng C; chi phí bốc xếp, vận chuyển từ sà lan, vận chuyển về cảng và chi phí lưu kho và thiệt hại giá trị hàng hóa do bị thu giữ.

Trong suốt quá trình mua bán, vận chuyển, khai báo hải quan đối với lô hàng, Công ty V không thực hiện lấy mẫu, không có kết quả phân tích mẫu của cơ quan có thẩm quyền để xác định thành phần khoáng sản, hàm lượng hóa học đối với loại khoáng sản thuộc lô hàng xuất khẩu, mà chỉ trên cơ sở hồ sơ nguồn gốc, mua bán hàng hóa và tham khảo bảng phân tích hàm lượng do Công ty N3 tự phân tích để khai báo, làm thủ tục hải quan.

Như vậy Công ty V có lỗi trong việc khai báo, làm thủ tục xuất khẩu lô hàng, không đảm bảo tính hợp pháp của lô hàng dẫn đến hàng hóa đã bốc xếp lên tàu nhưng không được xuất khẩu phải xuống hàng và chuyển toàn bộ lô hàng về giám sát hải quan tại kho cảng C, sau đó bị xử phạt vi phạm hành chính và bị tịch thu toàn bộ lô hàng. Như phân tích ở trên, việc Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q ban hành Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Q không phải bồi thường các thiệt hại như yêu cầu khởi kiện của Công ty V. Công ty V yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan như đã nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của Công ty V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của Công ty TNHH V (XNK); Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Công ty TNHH V (XNK) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0016163 ngày 14/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Xác nhận Công ty TNHH V (XNK) đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền